

Dongrek Site 2, Thailand
March 22, 1988

Mr. Tran Van Huong
President
The Indochinese Refugee Rescue Association
P.O. Box 10596/ Bolsa Ave.
Garden Grove, CA 92643

Dear Mr. Tran Van Huong:

We, the refugees at camp Dongred in Thailand, would like to relate to you some of the current situations and stories we and other refugees are encountering so that you have more evidences to present to the press and the world.

During March 17-19, 1988, the Thai Government transferred about 250 new boat people who also sought political refuge to our camp at site 2, section 5. This group while en route on the sea was robbed by Thai pirates: a number were drowned from the attack; two girls were raped and then kidnapped; and ten young children were thrown to the sea. We have reported this atrocious incident to ICRC and to the reporters of the Los Angeles Times as well.

Furthermore, on March 12, 1988, more a hundred people were also being transported from site 8 (originally for the Red Kmer refugees). We were told by these newcomers that a number of the people had either died or lost along the way during the transfer.

We also heard that in the near future, the Thai Government will send more refugees to this already overcrowded camp. The newcomers alone have reached 2,600 people not counting 2,156 people from the first wave. We believe that if this crowded situation continue to occur, the camp will soon become a non-criminal prison camp similar to the one in Hongkong because the problem of settlement is not being resolved expeditely enough.

At the moment, we are trying to help the newcomers to settle within the camp and especially assisting the unaccompanied children since we have been there for a long time (2 years).

The tragic conditions of the refugees along with the fear that camp site 2 will be abandoned altogether prompted us to voice our deeply serious concern to you and the public. Please help us communicate our grievances and pleas to the people and the governments of the free world and may be they can do something to resolve this urgent problem. We sincerely extend our deep gratitude. We certainly will notify you of any further news. Thank you again and we hope to hear from you soon.

Sincerely yours,

Address:
Ngo Suu
c/o Rev. Pierre Ceyrac Xavier
Hall: 70/9 Ratavithi Road-Victory Monument
Bangkok, Thailand

Ngo Suu

LIST OF FORMER VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS STAYING IN DIFFERENT REFUGEE CAMPS IN THAILAND

No.	Name & Address in Camp	Date of Birth	Occupation	Date Arrested	IV No.	VEWL	I-171	Sponsor's Name & Address
1	Bui Thi Phi Phung Nguyen Anh Truong Son Lamngop, Thailand	11-24-40 1-21-75	U.S.Empl. Political Prisoner's son	7-20-75 7-25-75	33247 33263	25775 35723	- -	Pham thi Anh 8154 Lindley Avenue Reseda, CA. 91335
2	Nguyen Ai Minh Lamngop, Thailand Moved to : PRACHINBURY (Site 2 South) on May 7,88:	9-8-52	Private 1st class,Nat. Police Force	7-20-75 7-25-75	87071	24397	yes	Nguyen Van Gioi 7813 Marthas Lane Falls Church, VA. 22043
3	Nguyen Anh Le CB:303576 L#35-Ywam P.O.Box 18 Panat Nikhom, Chonbury 20140 Thailand	12-8-38	Major 1975 to 1984		332663	357223	-	Nguyen Van Ve Chai 1706 1/2 N. Sierra Bonita Avenue Pasadena, CA. 91104
4	Ngo Duc Am Ngo Duc Minh Tri CB: 305431, K-118 YWAM - P.O.Box 18 Chonbury,20140 Thailand	9-1-35 11-17-71	Captain to 7-27-83	6-14-75	510668	013406	yes	Khuc Minh Tho 7813 Marthas Lane Falls Church, VA. 22043
5	Nguyen Sy Do Dongrek, Site II	6-16-57	Prisoner's son		538836	016555	-	Peter Nguyen 1833 N. Marney Avenue Los Angeles, CA.90032

2.

No.	Name & Address in Camp	Date of Birth	Occupation	Date Arrested	IV No.	VEWL	I-171	Sponsor's Name & Address
6	Ngo Suu Dongrek, Site II	1-17-41	Major	1975 to 1982				Khuc Minh Tho 7813 Marthas Lane Falls Church, VA. 22043
7	Tran Trong Canh CB: 302751 L# 45 P.O.Box 18 Panat Nikhom, Chonbury 20140 Thailand	1930	Major	1975 to 1980				FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
8	Mai, Huy Viet Koh Rang Yai Rang Island Thailand	12 -12- 1941					yes	Nguyen thi Nhai 10108 Corwall Road Fairfax, VA. 22030
9	Le Trong Binh Panat Nikhom	7-15-64	Prisoner's son		038488	014862		FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
10	Nguyen Duc Thuan CB: 304915-K#214 Ywam- Panat Nikhom	6-6-43	Dentist	-	537106	32556	yes	Khuc Minh Tiet 7813 Marthas Lane Falls Church, VA. 22043
****	Nguyen Thi Minh Trang and her daughter Klong Jai Ref. Camp	1-7-56						
****	Moved to Site II, South , VNLR Platform P.O.Box 76 , Aranya Prachinburi 25120, Thailand							

3.

Name & Address in Camp	Date of Birth	Occupation	Date Arrested	IV No.	VEWL	I-171	Sponsor's Name & Address	Remarks
11: Nguyen van Thanh and :(1 son + 1 daughter) : Khlong Yai Camp 23110		: Armed Forces	1975 to 1984		-	-	: Mr. Chu Ba Anh : 5649 Mt. Burnside Way : Burke, VA. 22105 : Tel. #(703) 425-1751	: New : IV : LO : Co
12 : Nguyen Hung Phieu K 205 CB:304659 P.O.Box 18 Panat Nikhom, Chonbury 20140	: 11-21-62	: Prisoner's : son		: 035535	: -	: -	: Nguyen Thi Nhan : 3644 Sunrise Pines : Drive : Sacramento, CA. 95827	: New : IV : LO : Co
13 : Nguyen Dinh Quoc 14 : Nguyen Hung Quoc CB: 402435 L #169 YWAM Transit Center P.O.Box 18 Panat Nikhom, Chonbury 20410	: 3-21-61 : 12-4-68	: Political. : Prisoner's : children		: 46565	: 40901	: -	: FAMILIES OF VIETNAMESE : POLITICAL PRISONERS ASSOC. : P.O. BOX 5435 : ARLINGTON, VA 22205-0635	: New : IV : LO : Co
15 : Nguyen Thi Van Khanh 16 : Nguyen Thi Van Thu 17 : Nguyen Thi Van Anh 18 : Vo thi Van Khue 19 : Vo Nam Hung CB:305905 K#75	: 6-11-61 : 1-11-63 : 4-1-65 : 6-29-82 : 11-30-84	: Political : Prisoner's : children		: 52334 : : : 219413	: 36290	: yes : : : yes	: Nguyen Thanh Cong : 2510 Wittkop Way # 109 : Sacramento, CA. 95825	: New : IV : LO : Co
T/C Ywam P.O.BOX 18 Panat Nikhom, Chonbury 20140								: New : IV : LO : Co

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
LIST OF FORMER VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS STAYING IN DIFFERENT REFUGEE
CAMPS IN THAILAND

*****										*****
No.:	Name & Address in Camp	Date of Birth	Occupation	Date Arrested	IV No.	VEWL	I-171	Sponsor's Name & Address	Remark	
20	Tran The Duong CB: 305422 - K#118: Transit Ywam P.O.Box 18 Panat Nikhom	:	Major	6-15-75 to 10-13-84	:	-	-	Tran Thi Ngoc Diep 75 West 190th Street #5H Bronx, New York 10467	Needs IV LOI Compl	
21	Phu Van Mau	7-20-48	Captain	5-5-75	-	-	-	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-4635	Needs	
22	Phan Thi Kim Hoang (Wife)	12-10-54		to 1-2-85	:	:	:		IV LOI	
23	Phu Dung Kim Tien CB: 304591 K# 156 YWAM, P.O.Box 18 Panat Nikhom	9-4-75		:	:	:	:		Compl	
		:	:	:	:	:	:		Needs	
		:	:	:	:	:	:		IV	
		:	:	:	:	:	:		LOI	
		:	:	:	:	:	:		Comp	
24	Phan Xuan So CB: 402157 Transit Center P.O.Box 18 Panat Nikhom	2-12-39	Second Lieutenant	6-27-75 to 1-12-80	-	-	-	Bui Duc Nhon 8609 Watershed Court Gaithersburg, MD. 20877	Needs IV LOI Comp	
		:	:	:	:	:	:		Need	
		:	:	:	:	:	:		IV	
		:	:	:	:	:	:		LOI	
		:	:	:	:	:	:		Comp	

①

[illegible]

KÍNH GÓT: BA KHUẾ MÌNH THO.

CHỦ TỊCH HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÁNH TRỊ VIỆT NAM -

PO/BOX 5435 ARLINGTON. VA 22205. 0635.

U.S.A.

DONTRUK SITE 2 SOUTH NGÀY 22.03.1988.

KÍNH THỬA BA CHỦ TỊCH.

CHÚNG TÔI XIN ĐƯỢC PHÉP TÍN CAO QUÝ HỘI CHỮA NHƯ BA CHỦ TỊCH RỒ, MỘT PHÂN VỆ TỈNH TRẠNG TẠI TỰ NẠN ĐƯƠN ĐỒ SITE 2, HẦU GIÚP BA CHỦ TỊCH CÓ THÊM DỮ KIỆN LÊN TƯỜNG VÀ NGỒ LỖI TRONG KỶ-ĐẠI HỘI SẮP ĐẾN CUNG NHƯ ĐỒ GỒI.

VÀO NGÀY 17-19 THÁNG 3, CHÁNH QUYỀN TỈNH CÓ CHUYẾN ĐẾN TRẠI SITE 2 (TRẠI MỚI. SECTION 5) 250 NGƯỜI ĐÃ VƯỢT BIÊN TỰ NẠN CÔNG SỞ BÊN ĐƯƠN BIÊN. TRONG CHUYẾN NÀY, TÀU CỦA HỌ (MỘT SỐ NGƯỜI) ĐÃ BỊ HẢI TẶU CƯỚP, ĐỪNG KHẨN, MỘT SỐ NẠN NHÂN GỒM CÓ 2 CÔ GÁI BỊ HẢI TẶU BẮT ĐI THIẾT TỊCH VÀ LO TRẺ EM BỊ QUẢNH CHẾT NGƯỜI BIÊN. CHÚNG TÔI CÓ TRÌNH CHO IERE VÀ LÊN TIẾNH VỚI PHÒNG VẬN TỒ LOS ANGELES TIMES ĐẾN TỰA TRẠI NGÀY 19.3.1988.

VÀO NGÀY 12.3.1988 CHÁNH QUYỀN TỈNH CÓ CHUYẾN ĐẾN TRẠI HƠN MỘT TRĂM NGƯỜI. TẤT CẢ NHỮNG NGƯỜI NÀY TỪ SITE 8 (KNHƯA ĐỒ) CHUYẾN SÔNG ĐƯỢC BIẾT CÓ MỘT SỐ LỚN NGƯỜI VIỆT NAM KHẮC BỊ CHẾT HOẶC MẤT TỊCH TÊN ĐƯƠN ĐI CHUYẾN... (ĐO CÁC BẠN CHỈ CUNG ĐỀ KẾ LẠI)

ĐƯỢC BIẾT TRONG NHỮNG NGÀY SẮP ĐẾN, SẼ ĐUA THÊM MỘT SỐ ĐỒ BẢO TỰ NẠN VIỆT NAM ĐƯƠN ĐƯƠN BIÊN LẦN LƯỢT ĐẾN TRẠI. TÍNH ĐẾN NGÀY HÔM NAY DÂN SỐ ĐÃ LÊN 2600 NGƯỜI, KHÔNG KẾ GIỮ 200 NGƯỜI TRẠI CỬ. VÀ TRONG TƯƠNG LAI CÓ TÍN HỌ CÓ Lẽ SẼ LÂM VÀO TỈNH TRẠNG NHƯ TRẠI KINH HỒNG KÔNG VẬY.

HIỆN NAY CHÚNG TÔI ĐANG NỖ LỰC, CÔ GẮNG GIÚP ĐỠ HỌ ÔN ĐỊNH NƠI AN CƯ Ở NHẤT LÀ TRẺ EM BỎ VỎ LẠC LỎNG.

TRƯỚC HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN VÀ TRẠI MỚI SITE 2 SOUTH NÀY ĐANG TRONG TÌNH TRẠNG BỊ ĐỀ ĐUA BỎ-ĐỎI, KÍNH MONG QUÝ HỘI CHỮA NHƯ KIẾNG CỎ NHẬN BA CHỦ TỊCH HẸY CỎ GỒNG LÊN TƯỜNG MONG MẺ HỒN NỮA TRƯỚC CỎ QUÂN NGỒN LƯƠN VÀ CHÁNH PHỦ CÁC QUỐC GIA VÔ TƯỚNG TRONH TRÊN CƯỜNG NHƯ VIỆC PHÒNG VẬN ĐỊNH CỬ. TRẠI MỘT CHÚNG TÔI (ĐÃ GẦN 2 NĂM)

CỎ GI-ĐIÊN TỈNH KHÁC, CHÚNG TÔI SẼ KHỎN CẤP LỘN BẮC SỎA TRONH TRONH KINH CHÁO VÀ TỰA THẬT CỎ ÔN QUÝ HỘI CHỮA NHƯ BA CHỦ TỊCH.

KÍNH TỰO

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC.

TO: NGỒ-QUỖ. C/O REV. PIERRE CERYAE XAVIER

HALL 70/9 RATA VICTORY ROAD VICTORY MONUMENT

BANGKOK THAILAND.

NGỒ. SỎU.

ĐẠI DIỆN CỦA QN-CC. CỎ TẠO MỘT CỎ

- TRAI SITE II SOUTH - RITHYSEN

BAN DAI DIEN

TY NAN VIET NAM TRAI MOI (SECTION 5)

- THAILAND -

HINH NGUYEN THU :

KINH GUI :

Kính thưa Quý-vi,

Chúng tôi được biết, trong thời gian qua Quý-vi đã có những nỗ lực nhằm có gắng giúp cho bà con ty-nạn Việt-Nam Trai-Moi đang bị bế tắc trong việc phong-van. Nay để tiện cho công-tác đó chúng tôi xin phép được tương-trình cùng Quý-vi về hoàn-cảnh của bà con ty-nạn Việt-Nam Trai-Moi để kính-tương :

Trai Site 2 South/Thai-Lan chỉ nằm cách biên-giới khoảng một cây số. Trong trại này gồm có người Kampuchea 160.000 người (Đan cho ngay trở về nước) và người Việt-Nam trên 4.000 người (Đan ty nạn) song dưới sự bảo-trò của các cơ-quan như : UN/BIO, I.C.R.C, COERR ... Người Việt-Nam chia ra làm 2 trại tuy cách nhau chỉ một con đường, nhưng qui-che và hệ-thống tổ-chức lãnh-đạo khác nhau xa. Trại Việt-Nam cũ dành cho những người đến trại từ tháng 6/86 trở về trước, đã được hưởng qui-che ty-nạn đương-bộ Việt-Nam, được cấp thẻ ty-nạn, được thành lập Ban đại-diện và các ban ngành trong Trại do người Việt-Nam lãnh-đạo, được tiếp xúc trực-tiếp với các cơ-quan ngoại-quốc, các phái-đoàn viêng tham Trại, phái đoàn phong-van ... , dân số hiện nay của Trại cũ là 2.165 người.

Con Trại Việt-Nam mới dành cho những người đến trại từ tháng 6/86 đến hôm nay, chưa được hưởng qui-che ty-nạn đương bộ Việt-Nam chánh thức, chưa có thẻ ty-nạn, không có nơi tiếp xúc chính-thức với phái-đoàn viêng tham, không được tiếp xúc với phái-đoàn phong-van để xin định-cụ, ban đại diện chịu dưới sự lãnh-đạo của trại Kampuchea/Site II Rithyssen tiếp xúc với các cơ-quan ngoại-quốc bảo trợ qua hệ-thống trại Site II Rithyssen. Ban đại diện chỉ được tổ-chức 4 người làm việc kê ca chia nước, làm dưới sự lãnh-đạo của Trại Site II Rithyssen, cho người Việt-Nam ở họ gọi là Section 5/Vietnam, chỉ có một văn-phòng nhỏ và ban ghe, văn phòng phải phái tu kiểm-lay. Dân số Trại Mới hiện nay là 2.300 người và còn tăng lên hàng tháng khoảng trên dưới 100 người, trong số này có 220 người là cựu quan-anh, công-chức, canh-sat và 200 người là con của C.N, C.C, C.S. ^{Tổng cộng gần 600}

Về khâu-phân lương-thức giữa Trại cũ và mới hướng tiêu-chuẩn giống nhau, nhưng về đời sống người Trại mới có phần vất-về hơn vì họ vừa mới qua khỏi khu rừng biên-giới để đến trại dưỡng-nhà chỉ còn hai bàn tay trắng. Qua hoặc tiền bạc cứu trợ do người Việt-Nam ở hai ngoài giới tặng nếu chỉ ở Ty-nan Việt-Nam Site II thì chỉ có người trại cũ được hưởng, chỉ khi nào có tên Trại mới Việt-Nam thì người Trại Mới mới được hưởng.

Về tình-trạng phong-văn, trước kia người Việt-Nam đến trại mới cứ 6 tháng là được chánh quyền Thái-lan kêu đi phong-văn một lần để công nhận chính thức cho nhập trại cũ. Riêng đợt này đã gần 2 năm nhưng vẫn chưa được phong-văn nhập trại ? chính quyền Thái-lan chưa cho phong-văn có lẽ vì để ngăn chặn làn sóng ty-nan dương bỏ Việt-Nam ?

Qua sự trình bày trên, chúng tôi hy vọng rằng Quý vị hiểu được hoàn-cảnh của ba con ty-nan Việt-Nam trại mới và cố gắng làm những gì có thể làm được để giúp đỡ chúng tôi được công nhận chính thức hầu được nhập trại Việt-Nam cũ.

Thay mặt cho ba con ty-nan Việt-Nam trại mới, chúng tôi xin cảm ơn việc làm đầy lòng nhân-đạo và tương-trợ mà Quý-vị đã dành cho chúng tôi.

Site II South, Ngày 15/03/1988.

TM. Ban Đại-Dien

Trưởng-Ban



O. KIM-XUAN-THEN



Hiệp Hội Cứu Trợ Tỵ Nạn Đông Dương
The Indochinese Refugee Rescue Association
10569 Bolsa Ave., Garden Grove, CA. 92643
Tel.: (714) 554-2050

DANH SÁCH 144 THUYỀN NHÂN HIỆN CON TÀM GIU TRÊN ĐÀO KÓ RANG YAI
(Danh sách nhận được ngày 08-04-88)

Ho và Tên	Nam sinh	Nguyên quán
TRẦN THỊ NHAN	30-10-62	Go Cong
TRẦN THỊ PHƯƠNG	16-5-73	Sai gon
TRẦN PHƯƠNG NAM	30-1-75	sai gon
TRẦN VŨ HA	19-3-56	Sai gon
TRẦN MY HA	1-4-59	Qui Nhon
HỒ TÂM NHỎ	29-7-54	Sai gon
HÀ VĂN HOANG	6-10-43	Sai gon
NGUYỄN ĐỨC TÍN	6-8-68	Sai gon
NGUYỄN ĐỨC TUÂN	1-1-67	Sai gon
HOÀNH THỊ LỆ THANH	11-4-58	Binh Thuan
HÀ HOANG VŨ	6-2-82	Sai gon
TÔ MẠNH ĐỀ	7-12-67	Sai gon
Nguyễn thị Anh Lang	12-6-63	Sai gon
NGUYỄN VĂN THANH	9-69	Sai gon
NGUYỄN THỊ NGỌC OANH	7-2-77	Sai gon
ĐANG VIỆT KIẾN	28-1-48	Sai gon
NGO THI NGOC DUNG	16-3-52	Phnom Penh
ĐANG VIỆT SANG	30-7-75	Sai gon
ĐANG THỊ NGỌC YẾN	10-5-74	Sai gon
NGO TRONG QUỐC	30-6-66	Sai gon
NGO TRONG DANH	6-2-70	Sai gon
NGUYỄN THỊ QUYNH NGA	1-11-58	Quang Nam
NGUYỄN VĂN PHONG	9-9-83	Sai gon
TRẦN VĂN HOA	25-6-63	Hue
NGUYỄN THỊ CẨM DUNG	5-11-53	An Giang
NGUYỄN HỒ BÍCH TRÂM	1974	An Giang
NGUYỄN TIẾN TRIỂN	1977	An Giang
NGUYỄN THỊ NHƯ AN	6-2-84	An giang
QUÁCH KIM THOAI	1952	An Giang
ĐO HOÀNG SƠN	1976	An Giang
ĐO PHƯƠNG THAO	1972	An Giang
ĐO PHƯƠNG LINH	1974	An Giang
VƯƠNG KIM TUYẾN	1984	An Giang
QUÁCH KIM GIANG	1967	An Giang
QUÁCH CẨM VINH	1972	An Giang
NGUYỄN CÔNG TRU	5-10-67	An Giang
NGUYỄN HOÀ THUẬN	1973	An Giang
BUI THANH TUYẾN	1965	An Giang
BUI NGỌC DUNG	1965	An Giang
PHUNG THỊ MAI	1963	An Giang



Hiệp Hội Cứu Trợ Tỵ Nạn Đông Dương
The Indochinese Refugee Rescue Association
10569 Bolsa Ave., Garden Grove, CA. 92643
Tel.: (714) 554-2050

DANH SÁCH 144 THUYỀN NHÂN HIỆN CON TÀM GIU TRÊN ĐÀO KÓ RANG YAI

(Danh sách nhận được ngày 08-04-88)

(Tiếp theo)

LÊ BUI CONG KHANH	:	Khong ro	:	An Giang
NGUYEN VAN THAI	:	7-7-54	:	Ha dong
TRAN THI LINH HA	:	4-5-52	:	Ha Noi
TRAN DINH THAO TRANG	:	6-12-73	:	Sai gon
TRAN DINH DIEM TRANG	:	22-4-78	:	Sai gon
PHAN THI LAN	:	9-9-60	:	Tam Hiep
LUONG CONG BA	:	3-10-69	:	sai gon
NGUYEN THI KIM TRANG	:	26-8-76	:	Tam Hiep
PHAM VAN THUC	:	1966	:	Tam Hiep
NGUYEN HUU QUOC	:	24-2-77	:	Quang Tri
LUONG CONG HUNG	:	24-2-66	:	Quang Tri
LUONG THI MINH HA	:	22-6-86	:	Sai gon
NGO THI HONG MAI	:	11-11-68	:	Sai gon
NGUYEN DANG QUYNH NGA	:	5-8-63	:	Sai gon
LUONG NGOC QUYNH HUONG	:	5-8-82	:	Sai gon
PHAM VAN LY	:	1962	:	Sai gon
PHAM THI THO	:	1955	:	Sai gon
CHUNG THI HUYNH MAI	:	1958	:	Tay Ninh
DANG HOA BINH	:	1972	:	Binh lieu Dong
NGUYEN BINH HOANG	:	1965	:	Bien Hoa
NGUYEN THI NGA	:	1963	:	Binh Duong
DUONG THI NGOC MINH	:	1959	:	An Giang
TRAN MINH TIEN	:	1971	:	Dong Thap
PHAM DUC MINH	:	1968	:	sai gon
NGUYEN ANH TUAN	:	1-5-1968	:	Sai gon
NGUYEN NGOC HUAN	:	26-6-1966	:	sai gon
PHAM THI THUY	:	12-6-1962	:	Sai gon
UONG VAN BANG	:	1944	:	ha Dong
UONG THIEN TU	:	1981	:	Sai gon
HUYNH CHI THANH	:	1968	:	Sai gon
NGUYEN THI KIM	:	1931	:	Thai Binh
VU MANH HUNG	:	1945	:	Ha Nam Ninh
NGUYEN VAN TIEM	:	1956	:	Binh Tri Thien
TRUONG THI HONG	:	2-2-1958	:	Sai gon
VU HOANG LONG	:	1982	:	Sai gon
NGUYEN NGOC QUYNH UYEN	:	1980	:	Sai gon
NGUYEN NGOC QUYNH NHU	:	1982	:	Sai gon
NGUYEN QUANG TRA	:	1944	:	Sai gon
ĐÀO THI KIM THOA	:	11-12-1944	:	Saigon
NGUYEN THI KIM THOA	:	4-12-1976	:	Saigon
NGUYEN QUANG HUNG	:	16-9-1944	:	Saigon
DUONG HIEN	:	12-5-1946	:	None
DUONG HIEN KHANH TRINH	:	17-11-1979	:	"

(Tiếp theo)



Hiệp Hội Cứu Trợ Ty Nạn Đông Dương
The Indochinese Refugee Rescue Association
 10569 Bolsa Ave., Garden Grove, CA. 92643
Tel.: (714) 554-2050

DANH SÁCH 144 THUYỀN NHÂN HIỆN CON TÀM GIU TRÊN ĐÀO KÓ RANG YAI
 (Danh sách nhận được ngày 08-04-88)

(Tiếp theo)

ĐÀO THI BÍCH VÂN	:	20-9-1953	:	None
PHẠM BẮC NAM	:	10-9-1957	:	Saigon
PHẠM BẮC THẢO NGUYỄN	:	25-4-1985	:	None
ĐAM THI NGUYỆT	:	11-10-1965	:	"
TRẦN NGỌC THUY	:	1-4-1959	:	My tho
NGUYỄN VĂN NGA	:	15-6-1958	:	My tho
NGUYỄN THANH HÙNG	:	1-4-1983	:	My Tho
NGUYỄN THẾ MẠNH	:	2-2-1965	:	None
DIẾP THI THIÊN THANH	:	12-1-1964	:	"
HUỲNH NGỌC TRÂM	:	21-4-1950	:	"
NGUYỄN THI KIM XUYEN	:	8-2-1976	:	"
LƯU THI TUYẾT HẰNG	:	2-3-1966	:	"
NGUYỄN THI LAM PHƯƠNG	:	10-1961	:	"
NGUYỄN THI THANH THẢO	:	1961	:	"
NGUYỄN THI NGHIÊM CHINH	:	1963	:	"
VŨ THI PHƯƠNG KHANH	:	1961	:	"
HOÀNG DŨC LONG	:	1956	:	Sai gon
HOÀNG QUỐC BUI LINH	:	1976	:	Sai gon
NGUYỄN HOÀNG CHUÔNG	:	1962	:	Sai gon
NGUYỄN THI NGỌC THUY	:	1957	:	Qui Nhon
NGUYỄN QUỐC THI	:	1983	:	Sai gon
NGUYỄN THI KIM QUANH	:	1968	:	Gia Dinh
LÊ THI NGỌC DIỆM	:	1969	:	Sai gon
PHẠM THI MỸ TRINH	:	1971	:	Sai gon
NGUYỄN THI MAI	:	1965	:	Gia Dinh
DƯƠNG QUANG HIẾP	:	1973	:	Gia Dinh
LÊ CHÍ HIẾU	:	1-1963	:	Sai gon
PHẠM NGỌC VÂN	:	1955	:	Saigon
PHẠM NGỌC ANH THU	:	1979	:	Saigon
PHẠM NGỌC LAN	:	1960	:	Saigon
PHẠM QUỐC TRẦN	:	1956	:	Tien Giang
NGUYỄN THI BÍCH NGÂN	:	1956	:	Saigon
NGUYỄN THI BÍCH KHAM	:	None	:	None
VŨ TRU	:	1963	:	Saigon
QUÁCH DINH BAO	:	1960	:	Saigon
NGO THI TUYẾT HỒNG	:	1971	:	Saigon
NGIEM LIEN	:	1963	:	Go Vap
BUI THI THANH MAI	:	1971	:	Gia dinh
BUI THI THANH LOAN	:	1964	:	Dong Thap
BUI DOAN TUẤN KIẾT	:	1972	:	None
CAO HOÀNG VŨ	:	1964	:	An Giang
DƯƠNG DINH TỬ	:	1975	:	None
NGUYỄN THI NGỌC	:	None	:	None
MAI THẾ DẠC	:	1949	:	Saigon
NGUYỄN THI DIỆU TÂM	:	1964	:	Saigon
NGUYỄN THI MỸ PHƯƠNG	:	1965	:	Saigon
ĐO THI BÍCH LIÊN	:	24-7-1966	:	None
MAI VIỆT HUY	:	1941	:	Saigon
NGUYỄN VĂN THANG	:	1949	:	Saigon (Tiếp Theo)



Hiệp Hội Cứu Trợ Tỵ Nạn Đông Dương
The Indochinese Refugee Rescue Association
10569 Bolsa Ave., Garden Grove, CA. 92643
Tel.: (714) 554-2050

DANH SÁCH 144 THUYỀN NHÂN HIỆN CON TÀM GIU TRÊN ĐẢO KO RANG YAI
(Đanh nhan đươc ngày 08-04-88)

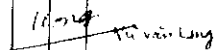
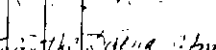
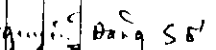
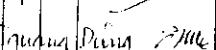
(Tiep theo)

NGUYEN THANH TUNG	:	1975	:	Saigon
TRUONG THI TUYET	:	1952	:	Da Lat
CHAU A PHU	:	1954	:	Da Lat
CHAU QUOC UY	:	1983	:	Saigon
TRAN QUY PHONG	:	1969	:	None
LE TRONG	:	1955	:	"
CAO VAN CAM	:	1961	:	"
LE THANH DUNG	:	1963	:	"
NGUYEN LE TRONG HOANG	:	1972	:	"
NGUYEN LE THU THUY	:	1971	:	"
NGUYEN TRONG HAU	:	1952	:	"
TÔ HUU THAI	:	1971	:	"

Garden Grove ngày 14 tháng 4 năm 88

LIST OF FORMER POLITICAL PRISONER

PANAT NAKHOM REFUGE CAMP.
CHOMBURI 20140.
THAILAND.

№	FULL NAME	D.O.B	P.O.B	D.O.A	RANK	SERIAL NUMBER	FINAL UNIT	FUNCTION	PERIOD OF REEDUCATION	CASE NUMBER	SIGNATURE
1	VŨ VĂN LONG	DEC 2, 1938	HÀ NAM NINH	DEC 20, 1987	Government official Lieutenant	55/408334	Hải Nghĩa Province	Deputy Province Chief of Hải Nghĩa province.	147 months	CB. 305.155	
2	NGÔ ĐỨC AM	SEP 1, 1935	BÌNH TRỊ THIÊN	DEC 21, 1987	Government official Captain	55/104557	Civil service Commission	Senior Specialist	97 months	CB. 305.431	
3	ĐINH NGỌC LIÊN	OCT 10, 1943	HÀ NAM NINH	"	Captain	63/157951	Bình Hòa Sector	S. 3 officer	85 months	CB. 305.415	
4	TRẦN THẾ ĐƯƠNG	1931	HẢI HƯNG	"	Major	51/301796	CLE (Tổng cục hợp vụ)	Tổng giám đốc hợp vụ	112 months	CB. 305.422	
5	NGUYỄN ĐĂNG SỎ	OCT 13, 1944	HẢI HƯNG	"	Captain	64/156583	50th Regiment of 25th Division	Political indoctrination officer of 50th Regiment	82 months	CB. 305.417	
6	NÔNG VĂN ĐOÀN	NOV 25, 1931	LANG SON	DEC 20, 1987	Major	51/300525	unit 101	Team chief collection	103 months	CB. 305.263	
7	VŨ QUANG DŨNG	Sept 19 1942	Nam định	Dec 27 1987	Government official		Ministry of Social welfare and land devel- opment	Director of Programs and Research	86 months	CB. 305497	
8	DANH KIẾN GIANG	15-2-1942	Kiên Giang	Dec 6 1987	Government official		Ministry of Information and Open door	Inspector	412 months	CB. 305060	

LIST OF FORMER VIETNAMESE ARMED FORCES, SITE II (NEW REFUGEE CAMP)

DANH SÁCH QUÂN NHÂN QL VN



Hội Hội Cứu Trợ Tỵ Nạn Đông Dương
The Indochinese Refugee Rescue Association
10569 Bolsa Ave., Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 554-2050

ĐANG TỊ NẠN TẠI TRẠI ĐƯỜNG BỘ

Nhan ngày 31 tháng 3 năm 88

SITE II. THAILAND. (TRẠI - MỚI)

ST.T	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SANH	NGÀY NHẬP NGŨ	NGÀY ĐẾN TRẠI	CẤP BẬC	SỐ QUÂN	TÊN VỊ CUỐI CÙNG	CHỨC VỤ	THỜI GIAN CẢI TẠO
1	THẠCH QUYÊN	10. 05. 1929	01. 03. 1950	09. 04. 1986	Trung tá	49/118.753	Su đoàn T. ĐB.	Chuẩn uổng tằm	5 năm
2	TRẦN KIM THẠCH	20. 07. 1928	01. 11. 1946	28. 03. 1986	Trung tá	48/104.86	Tiểu khu Bình Dương	liên đoàn 935	5 năm 2 tháng
3	LÊ NHƯ TRIỆM	13. 01. 1934	09. 03. 1954	24. 07. 1987	Trung tá	54/200.219	Tu/tam Hân quân. BTM	Trưởng ban hân quân	6 năm 7 tháng
4	TRƯƠNG HỮU CHẤT	03. 04. 1940	23. 11. 1959	19. 07. 1987	Trung tá	60/101.87	Quân đoàn 3	Chỉ huy tại P. TST	9 năm 8 tháng
5	NGÔ SỬU	17. 01. 1941	08. 02. 1963	25. 02. 1987	Thiếu tá	41/123.410	Quân Thuận Nam. PD	quân trưởng	9 năm 2 tháng
6	NGUYỄN CÔNG HOÀNG	02. 02. 1942	18-5-1964	12-8-1987	Thiếu tá	62/410.86	Phụ tá Trung tá H. H. H. (S. 2. M. H. H.)	Chỉ huy M. H. H.	7 năm 5 tháng
7	THẠCH TÌNH	29. 05. 1932	12. 1948	27. 08. 1986	Đại úy	52/118.786	Tiểu đoàn 2 Nhảy dù	tại đội trưởng	5 năm 2 tháng
8	ĐÀO VINH TỐN	30. 08. 1944	21. 11. 1964	07. 07. 1987	Đại úy	44/194.447	Tiểu khu Trà Lạt	tại đội trưởng	8 năm 6 tháng
9	LÊ NGỌC HẢI	1945	23. 07. 1965	07. 04. 1987	Đại úy	65/13.825	Tiểu khu Vĩnh Bình	Tiểu đoàn trưởng	7 năm
10	ĐẶNG KẾ THẦN	22. 04. 1941	15. 04. 1968	24. 04. 1987	Đại úy	61/123.68	Bộ tư lệnh Cảnh sát QG	Trưởng ban	6 năm 7 tháng
11	PHAN CÔNG THẦN	18. 10. 1941	03. 10. 1961	07. 07. 1987	Đại úy	61/151.535	Tu/tam khu hân quân dụng	Trưởng khu hân quân	5 năm 6 tháng
12	VŨ VIỆT TRƯỜNG	02. 04. 1950	1971	07. 07. 1987	Đại úy	70/149.108	Tu/tam tham vấn QG	Tham vấn viên	9 năm 8 tháng
13	THẠCH BÔNG	15. 01. 1939	08. 1959	14. 08. 1987	Đại úy	100.668	Tiểu đoàn trưởng TĐ 471.	Tiểu khu Vĩnh Bình	10 năm
14	VÕ TIỆN DINH	1948	01. 06. 1974	25. 07. 1987	Đại úy	68/160.157	Trưởng Chi khu Tham vấn	Trưởng phòng Tham vấn	9 năm 1 tháng

1	DUONG LUC HOAN	17.06.1949	08.01.1968	06.07.1987	Đại úy	69/137694	Trung tâm 3 Quân tại Sĩ quan tùy viên	5 năm 8 tháng	
6	NGUYEN TRI PHUONG	15.03.1943	15.04.1968	16.11.1986	Trung úy	63/702731	Bộ tư lệnh Hải quân Huấn luyện viên	5 năm 8 tháng	
17	NGUYEN VAN GUONG	24.04.1948	18.12.1968	25.02.1987	"	68/601763 68/144458	phân đội 259.S.đoàn 4 KQ	6 năm 8 tháng	
18	THANH NY	20.12.1951	1970	01.03.1987	"	95729	Tiểu đoàn 309 Trại 4851. tại đơn vị trưởng	5 năm	
19	VIEN LUC LANH	24.04.1945	12.01.1968	06.07.1987	"	65/131282	Sĩ đoàn 25 Sĩ quan liên lạc	06 ngày	
20	NGUYEN VAN BE	18.07.1953	23.09.1972	15.11.1986	Trung úy	73/148137	Tiểu đoàn 42 SD 22 BB	Trung đoàn trưởng	2 năm 7 tháng
21	LAM LIM HEN	11.11.1938	08.09.1965	02.10.1986	"	38/242106	Tiểu đoàn 522 ĐPA	tại đơn vị trưởng	5 năm 6 tháng
22	SON SO MAY	29.11.1950	26.12.1967	17.11.1986	"	70/127190	Tiểu đoàn 430 P.Đinh	tại đơn vị trưởng	5 năm 6 tháng
23	TRAN GIA SY	21.06.1932	12.06.1953	21.12.1986	"	52/700070	Trung tâm 4 L. HQ/N. Trang	Trưởng Ban Chuyên vận	9 tháng
24	LE NGOC DOI	15.02.1951	01.01.1972	17.11.1986	"	71/139763	Chi khu Thuận Trung/P.Đinh	phụ tá Ban 3	3 năm
25	LE NGOC THACH	30.03.1953	23.09.1972	25.02.1987	"	73/127743	tại đơn vị 113/PQ/BL.Ch.Đinh	tại đơn vị phó	4 năm 3 tháng
26	TRAN HUU LEP	06.05.1944	31.12.1966	25.02.1987	"	64/198407	Tiểu đoàn 376	Trung đội trưởng	6 năm 2 tháng
27	DANG KE HUNG	13.03.1945	21.07.1965	25.02.1987	"	65/133763	Sĩ đoàn 7 BB	Trưởng toán tá ch.Đinh	5 năm 8 tháng
28	TRAN XUAN TOAN	22.02.1946	16.09.1969	25.02.1987	"	66/167941	Sĩ đoàn 25 BB	Trưởng toán tá ch.Đinh	6 năm 9 tháng
29	NGO THANH TON	17.10.1953	14.10.1972	06.04.1987	"	73/153337	Sĩ đoàn 21 BB	Sĩ quan số 1 bộ nhân	3 tháng
30	CHAU HAC	03.04.1953	07.1973	27.03.1987	"	75/520930	Tiểu khu An Giang	Trung đội trưởng	4 năm 9 tháng
31	HOANG QUOC TA	08.1947	22.02.1972	12.08.1987	"	67/823839	P.Đ. Quân đoàn 2	Sĩ quan phụ hồ h.Đinh	4 năm 6 tháng
32	TRAN VAN SEN	17.09.1953	20.11.1972	22.10.1986	Chuẩn úy	73/148104	Tiểu đoàn 407 Ch.Đinh	Trung đội trưởng	12 tháng
33	THACH THANH TONG	1936	23.09.1955	14.04.1987	"	56/700219	Chi khu 91 Trục l.Đinh	phân đoàn phó	8 tháng
34	YEN SON	19.05.1936	1955	25.02.1987	Trung tá	82/046706	TTYT tiếp vận Đục h.Đinh	ph.Đinh	1 năm

36	LÂM HAI LÂM SAVAN	09.05.1948	07/02/1970	24.08.1986	Trung Sĩ	49813	Tổng lãnh sự Cần Thơ	Tổng đốc viên	8 tháng
37	HUYNH UT	10.10.1926	11.10.1946	07.03.1987	"	52/100495	Chi ANQB.Ch. Tr. B. B. B.	phó chi	10 năm 6 tháng
38	THẠCH LÊM	24.06.1953	26.10.1970	17.11.1986	"	95541	Su đoàn 1 (Cambodia)		3 tháng
39	NGUYỄN ĐĂNG SƠN	06.07.1948	28.08.1968	29.09.1986	Trung Sĩ I	68/140550	TĐ III Q. C. B. B. B.	nhân viên	3 ngày
40	TRẦN HỮU HẠ	13.10.1949	28.02.1958	21.12.1976	"	68/703646	CCYT TV 4. Quân C. B. B.	Tổng đốc viên	10 ngày
41	QUÁCH ĐÌNH TOÁN	30.06.1950	31.12.1968	15.11.1986	"	70/125772	TĐ 321 TK B. B. B.	HSQ/QTNV	15 ngày
42	VÕ VĂN HOÀ	12.05.1942	23.12.1964	07.12.1986	"	62/115005	BCH/CSQG Ph. C. B.	Nhân viên khu vực TP	3 ngày
43	KIÊN XONE	1949	02.11.1966	27.09.1986	"	59/500632	Có M. D. V. B. B.	Trung đội phó	7 ngày
44	NGUYỄN VĂN LẠC	10.12.1949	29/03.1958	21.12.1986	"	63/145224	Đoàn 66 DV 101	Trưởng ban văn thư	32 ngày
45	NGUYỄN VĂN CÂN	1956	08.1954	25.02.1987	"	56/302400	Lực quân công xưởng	Liên đoàn trưởng	6 năm
46	NGUYỄN VĂN CHUNG	10.04.1946	1966	25.02.1987	"	66/157508	Trung đội trưởng S. B. B.	Nhân viên ban chấp hành	1 tháng
47	TRẦN LÂM HUNG	15.10.1943	04.02.1964	25.02.1987	"	43/170353	TTYTTV/TK B. B. B.	Trưởng ban KT. Ph. Ph.	18 tháng
48	TÔ PHỤNG THANH	01.11.1933	1961	07.03.1987	"	72/502712	TĐ 1 Tr. B. B. B.	Trưởng đội trưởng	2 năm 8 tháng
49	VŨ ĐÌNH NGUYỄN	01.11.1933	1961	07.03.1987	"	33/124266	TĐ 3 Tr. B. B. B.	Trưởng đội trưởng	2 tháng
50	SỐ QUÝ	07.10.1950	01.11.1968	07.04.1987	"	63/277898	Đoàn 1 & Q. T.	Hạ sĩ quân ban 3	3 tháng
51	LÊ VĂN NGÔ	09.04.1954	08.05.1971	07.03.1987	"	70/111073	TĐ 3 T. Q. L. C.	Trung đội phó	3 tháng
52	LÂM VUM	05.05.1942	16.08.1964	18.05.1987	"	74/50613	TĐ 222 PB S. B. B.	Kiểm trưởng	6 tháng
53	KIM SIPHERNE	05.07.1953	1.1970	08.04.1987	"	42/184766	CK L. B. B. B.	HSQ/Quân số	18 tháng
54	SƠN SAMITE	02.09.1953	02.09.1971	14.08.1986	Trung Sĩ	95759	Mike force. Tr. B. B. B.	Trung đội trưởng	3 tháng
						73/506360	S. B. B.	Trưởng đội trưởng	6 tháng

TÊN CON		06.03.1950	15.01.1951	15.01.1951	Tên	50/100	Tên	Tên	3 tháng
56	THẠCH THANH PHÚC	03.11.1951	10.11.1969	29.08.1986	T/ST	71/516687	Đ 66 ĐQ Đỉnh phòng	y tá hậu sứ	1 tháng
57	TRẦN THẾ HÙNG	03.04.1945	30.10.1965	25.04.1987	"	65/105083	TK Vĩnh Bình	HSQ/TT HQ	3 tháng
58	QUÁCH MINH CÔNG	05.11.1949	04.1969	06.07.1987	"	73/700006	TTTL/HQ Saigon	Nhân viên tiếp xúc	3 ngày
59	THẠCH QUƠN	04.04.1951	-	22.02.1987	"	95915	onike force	Đội viên	3 tháng
60	SƠN SAMÂY	-	-	17.08.1987	"	95773	onike force	-	-
61	PHAN VĂN TƯ	1941	07.07.1970	25.02.1987	T/ĐH B. NQ	870629	CK Trần Thị B. Xuyên	Tung đội trưởng	14 tháng
62	LÝ HOÀNG	1936	04.1968	20.01.1987	"	504000	TK B. Xuyên	Tung đội trưởng	1 năm
63	KIÊN BAN	1945	09.12.1962	02.02.1987	T/ĐH B. NQ	-	phòng vệ xã phường	-	6 tháng
64	KIÊN PHÚT	11.11.1951	10.09.1969	08.09.1986	H/S I	71/19764	HTHD/SQTQLC	Kế toán viên	3 tháng
65	LÝ CƯỜNG	05.05.1950	15.03.1972	15.11.1986	"	70/883702	Lữ đoàn 2 Nhảy dù	Tiểu đội phó	6 tháng
66	TRẦN QUÂN	1944	24.10.1970	24.11.1986	"	64/502484	Đ 73 T 7 Nhảy dù	Tiểu đội trưởng	1 tháng
67	TRƯƠNG VINH TRÍ	1955	20.11.1973	03.04.1987	Binh D	75/608717	CC 40 CT/S 4 KQ	Kiểm soát viên khu vực	8 năm 5 tháng
68	TRẦN QUÍT	17.07.1952	09.1970	25.04.1987	H/S I	72/510669	Tiểu đoàn 2 Quân y	y tá	7 ngày
69	NGUYỄN VĂN ANH	22.05.1955	02.1973	24.04.1987	"	75/608630	S 1 KQ Tà Năng	Nhân viên sửa chữa	3 ngày
70	THẠCH CUOL	1941	17.09.1962	17.11.1986	"	61/144170	Hội cứu hỏa Long Bình	Tài xế	30 ngày
71	THẠCH ENG	11.11.1952	02.1969	14.08.1987	"	72/517631	Chuyên viên TLT Liên đoàn 340 YTTV	-	2 tháng
72	NGUYỄN KHÁNH HỒI	13.12.1952	09.10.1970	25.04.1987	H/S I	72/605503	S 3 KQ B. Hòa	Bảo vệ UH1	2 năm 3 tháng
73	BÙI VĂN THONG	31.01.1955	09.01.1973	22.02.1987	"	75/117704	Đ 337 ĐPQ	-	-
74	KHUU HIỀN	15.03.1953	08.09.1970	25.02.1987	"	03/559473	TTYTTV / phan dinh	Chuyên viên sửa chữa vũ khí	31 ngày

PHẠM VĂN TIỆN	03.05.1945	1970	15.09.1986	Hq Sĩ	63/141922	TĐCB/TQLC	Nhân viên Ban 5	3 ngày
KIM TEO	03.03.1933	16.09.1952	25.10.1986	"	106389	Đội trưởng QL. L. Khu 1.5. Thủ Đức	Tiểu đội trưởng	1 tháng
LÂM VĂN THỊ	1954	20.03.1972	22.05.1987	Đội trưởng	74/186473	BHĐ. TĐ 32. LĐ 7	Tiểu đội phó	1 tháng
THẠCH Ế	1944	17.02.1970	28.09.1987	Hq Sĩ	64/510772	Tiểu đoàn 21 Quân y		6 tháng
THẠCH SƯA SÁ ĐẤY	19.03.1956	27.04.1973	14.09.1987	"	76/502243		ý tá	1 tháng
THẠCH THÂN	01.01.1943	1968	08.11.1986	"	43/151523	Đ 322/ĐPQ. CK Cầu Ngang		6 tháng
PHẠM VĂN TUYÊN	20.06.1954	06.1972	13.09.1986	Đội trưởng	74/133032	TTHL Quang Trung	Khinh binh	8 ngày
DANH UI	15.01.1950	02.12.1972	29.10.1986	"	50/389338	TĐ 3 Đ 7 BB	Đội viên	6 tháng 15 ngày
NGUYỄN BÌNH AN	15.05.1940	12.01.1970	28.10.1986	"	60/486370	LĐ 83 YT Quân y	Chào xe	15 ngày
THẠCH VÉN	22.10.1948	11.1973	26.09.1986	"	48/113198	TĐ 3 Ngã 31 Sĩ 2 BB	Âm thư viện	3 tháng
PHẠM VĂN SEN	07.10.1947	05.05.1966	30.10.1986	"	67/100145	TĐ 3 Trại 12 Sĩ 7		20 ngày
DƯƠNG SƠN THAI	05.10.1945	06.09.1966	25.10.1986	"	284939	Đ 676 ĐPQ	Âm thư viện	7 ngày
LÂM SÁNH	1941	1965	25.02.1987	"	61/501924	LĐ A BĐQ.		6 tháng
BẠC KIM ĐẠO	08.03.1956	05.06.1973	25.02.1987	"	76/114639	TĐ 8 TQLC		3 ngày
TRẦN QUANG LONG	04.10.1952	30.03.1970	08.05.1987	"	72/407751			3 ngày
SƠN SANG	1947	15.08.1973	31.01.1987	"	67/502525	SĐ 23	Đội viên	8 tháng
THẠCH DƯƠNG SINH	22.06.1953	07.1	20.09.1987	"	73/129958	Đ 121 Quân cảnh	Nhân viên	2 tháng
SƠN SONG	03.11.1956	25.05.1974	04.1.1987	Hq Sĩ	76/800113	LĐ 33 phòng thủ Sĩ 5 KQ	Đội viên	14 ngày
THẠCH HÓS	1941	1964	27.07.1987	"	61/179446	669 ĐPQ Tiểu căn V. Bình	Tài xế	6 tháng
SƠN BƯỜNG	25.04.1954	15.03.1975	12.11.1986	Đội trưởng	74/531037	TTHL Căn cứ V. Long.	Khánh binh	7 ngày

37. LỖ PHÚ NGUYỄN	04.04.1951	16.03.1974	17.11.1986	Binh II	77/106547	TĐ 7 T 32 BQ	Đội viên	1 tháng
38. SƠN NGỌC MINH	07.07.1952	16.06.1973	17.11.1986	"	77/100721	TĐ 7 AO Vinh Cầm B. Lữ	Cán bộ thường	7 ngày
39. SƠN ÂY	20.09.1952	24.06.1972	29.11.1986	"	72/146590	Ban 3 / K Vĩnh Tân		11 ngày
40. THẠCH HOÀNG LONG	23.04.1947	20.02.1970	14.08.1986	Nghĩa Quân	442 620	VHB 269	Tổ trưởng	3 tháng
41. SƠN SOL	16.12.1953	02.1970	07.03.1987	"	863 213	Xã Kê An, Kê An B.X	Tổ trưởng	1 tháng
42. LÝ TUÔNG	17.10.1954	11.01.1971	24.08.1986	"	138 584	VHB 368 N. Bình	Đội viên	2 tháng
01. SƠN SOL	1956	12.09.1973	20.12.1986	"	06 M 00613	Q. Vĩnh Châu B. Lữ	Đội viên	1 tháng
02. LÝ TUÔNG	1951	06.06.1974	01.01.1987	"	51 M 03250	Q. Vĩnh Châu B. Lữ	Đội viên	120 ngày
03. THẠCH LUNG	01.05.1949	01.01.1971	24.8.1986	"	138 581	VHB 368 N. Bình	Đội viên	2 tháng
04. TRẦN SƠN	1949	1974	10.03.1987	"	49 M 00780	Xã Hòa Bình B. Lữ	Đội viên	6 tháng
05. NGUYỄN HỮU PHÚC	02.01.1958	03.1975	25.02.1987	Binh II	78/106982	TTHL Quang Trung	Tân binh	3 ngày
06. TRƯƠNG CHÍ HIỀN	05.04.1955	26.03.1975	15.07.1986	Binh I	75/133711	TĐ 5 TQLC		45 ngày
07. LÂM HUỆ	05.10.1930	15.03.1969	09.10.1986	NQ	032479	Xã Long Phú B. Xuyên	Đội viên	3 tháng
08. SƠN THANH	06.12.1957		22.08.1986	Binh II	37/606643	SĐ 18 BB	Đội viên	6 tháng
09. CHUNG HOÀ	02.11.1948	07.07.1967	20.12.1986	Binh II	914274	TĐ 3 Trg Đoàn 14 BB	Đội viên	3 ngày
10. LÝ CHUM	03.08.1945	15.02.1971	25.09.1987	Binh II		TĐ hướng Q. Vĩnh L.	Đội viên	3 tháng 10 ngày
11. THẠCH SUỒN	11.11.1939	13.05.1960	08.09.1987	Binh II	59/102013	SĐ 30 HETL/BĐQ		piền binh
12. LÝ A DƯƠNG	01.01.1944		11.07.1986	Binh II	Mixe Jace	Quân Nhân		
13. THẠCH PHATE	02.05.1953		22.03.1987	Binh II	73/126415		Onen dyes Vĩnh	viên
14. THẠCH DIPHANE	10.10.1941	1971	28.08.1987	NQ	922 603	Xã Ngã Lạc V. Bình	Đội viên	1 tháng
15. ĐINH CÔNG BÌNH	12.08.1945	15.08.1966	04.09.1987	Binh II	45/288080	TĐ 3/385 TX. Giadinh	Đội viên	

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NGÀY CHẾT	QUỐC TỊCH	SỐ QUÂN	QUÂN ĐỘI	QUÂN QUẢN	QUÂN QUẢN	QUÂN QUẢN
118	PHẠM VĂN TÂM	16.11.1945	1985	25.10.1987	66/100220	Quảng đoàn 21	Thống đốc An ninh		phần lớn 65%
119	KIM LONG RI	1944	1919	24.10.1987	66/100220	TR/A NH/90	Tổ chức binh	90 ngày	
120	PHẠM VĂN AN	21.12.1956	1973	25.10.1987	76/106851	TR/A 3 AA 142 ND	T/T Tổ chức binh	83 ngày	
121	THẠCH CAN	1946	02.09.1967	17.08.1987	68795	AA 46 Mike Force	Quân y	15 ngày	
122	THẠCH NGỌC	02.05.1958	1978	25.10.1987	78/103225	TH/L Huân Liệp SAS	Khoá Sĩ		
123	DINH KIM LONG	20.10.1958	1978	25.10.1987	50/673821	AA 130 biệt lập	AA 857 TK Gia Định	83 ngày	
124	TRẦN MĂNG THẮNG	10.11.1948	01.06.1986	01.06.1986	67/218305	thay đ	Lính tại chiến Xã Lai Hòa	10 năm	
125	TRẦN KHÔN		04.11.1974	17.11.1986		Đi dự An ninh	Quân nhân châu Á. Liên	83 ngày	Nike Force pu
126	OS YOUNG TIN	1948	12.11.1987	Đi dự	92596	Trưởng ban dịch thuật Miền Việt TCQH/ATM	7 năm rưỡi	Việt Nam	
127	LÊ SALAI MANTH	1934	1955	19.11.1987	58/101836	Hai đoàn Xung phong 26		Xuất ngày 30.12.60	
128	TÔ PROSO	1948	05.07.1969	21.09.1987	830664	Tổ chức ng hĩa quân	và lập hĩa Quân ngũ (68)	12 ngày	

PHANH SÁCH CÁN BỘ NHÂN VIÊN CÁN SÁT QUỐC GIA
ĐANG TỊ NẠN TẠI TRẠI ĐƯỜNG BỘ SITE I



Hội Cứu Trợ Tỷ Nạn Đông Dương
The Indochinese Refugee Rescue Association
10569 Bolsa Ave., Garden Grove, CA. 92643
Tel: (714) 554-2050

Nhan ngày 4 tháng 4 năm 88

HỌ VÀ TÊN	NGÀY ĐĂNG KÝ	NGÀY NHẬP NGŨ	NGÀY ĐẾN TRẠI	CẤP BỤC	SỐ ĐIỆN CỎ	ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	THỜI GIAN CẢI TẠO	
LÝ HOÀI AN	18-05-1940	15-01-1963	22-02-1987	Chiến tá		BCH/CSGG Khu 4 Cần Thơ	Chủ sự P. Tổng Vụ	9 năm 5 tháng	} 9 năm 6 tháng
NGUYỄN DƯƠNG	01-10-1946	27-07-1967	06-05-1987	Đại úy		BCH/CSGG Bình Thuận	Đại đội trưởng CSĐC	6 năm 7 tháng	
TRẦN QUANG TÊM	01-03-1939	01-07-1964	05-03-1987	Trung úy	1884	BCH/CSGG Kiên Giang	Trưởng Cuộc Mỹ Đức	8 năm	
THẠCH HƯNG	25-10-1942	09-09-1966	02-09-1986	Trung sĩ I	375990	BCH/CSGG Vĩnh Bình	Trưởng Hợp tác xã	6 năm 9 tháng	
LƯƠNG VĂN QUY	01-07-1947	12-09-1966	28-07-1986	"	157051	BCH/CSGG Phú Yên	Đoàn Cứu	15 tháng	
NGÔ RƯƠI	1947	03-01-1971	17-11-1986	Cán bộ sát vi		Đại đội 417 CSĐC	Nhân viên	30 ngày	
TRẦN VIỆN	1944	12-1970	04-11-1986	"	727470	BCH/CSGG Bạc Liêu	Nhân viên	45 ngày	
THAI VĂN TÂM	10-08-1944	26-11-1964	28-09-1986		69588	BCH/CSGG Quân 11 Gòn	Trưởng Tiên Ban	9 năm	
TÀI KIM ĐÔNG	04-06-1953	31-01-1972	02-10-1986	"		Đại đội CSĐC Bauxien	Nhân viên	1 tháng	
LÝ DIME	05-04-1951	11-01-1973	28-12-1986	"		Cuộc CSGG Long Thành B. B. B.	Trưởng TB T. P. Thập	9 tháng	
TRẦN VĂN CANG	25-01-1950	31-01-1972	27-7-1986	"		Đại đội 409 CSĐC Bauxien	Nhân viên	11 tháng	
THẠCH QUAT	1948	15-01-1971	20-8-1986	"		Đại đội 406 CSĐC Vĩnh Bình	Nhân viên	1 tháng 11 ngày	
THẠCH CHÊN	1940	15-01-1971	30-9-1986	"	375.980	BCH/CSGG Quân Tr. C. Vĩnh Bình	Nhân viên	19 tháng 15 ngày	
MIA HÒA	17-5-1955	27-09-1974	20-7-1986	"	165/65/CB	BCH/CSGG 8 Bauxien	Nhân viên	7 tháng	
NGÔ HẢI VÂN	22-3-1953		29-7-1987	"	324.748	Nha T. C. B. T. C. B.	Nhân viên	60 ngày	

DANH SÁCH CÁN BỘ CÔNG CHỨC VNCH ĐANG TÌ NẠN TẠI TRẠI ĐƯƠNG BỘ SITE II THAILAN

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY BANH	NGÀY NHẬP TRẠI	NGÀY NHẬP NGŨ	NGÀY CHẾT	ĐỊA ĐIỂM CƠ	CƠ QUAN PHỤC VỤ	CHỨC VỤ	THỜI GIAN CẢI TẠO
1	NGUYỄN THANH HÙNG	17-01-1950	15-02-1987	8-1973	Công chức hạng 4. 430		Phụ Tổng Ủy Dân Văn - BS Dân Văn Chuối Hóc	Chủ Bộ Tổng CTGV Lương Chính	4 ngày 3 năm
2	THẠCH HOANH	11-02-1940	02-03-1987	11-1966	Cán Bộ XDNT		Đoàn 10. Xã An Giang, Huyện Tân Cửu, Tỉnh Vĩnh Bình	Cán Bộ XDNT	5 Tháng
3	KIM HƯƠNG	01-09-1932	09-09-1986	1950			Tân Hành Chánh (V.B)	Chủ Dự Phòng	7 năm 4 tháng
4	NGUYỄN VĂN LỘC	06-08-1953	28-09-1986	10-1973	Cán bộ bổ túc		Phụ Viên	Cán bộ Viên	3 ngày
5	LIÊU THIẾT	1940	06-09-1986	1-1961			G. Mỹ Luật (Ba Xuyên)	Chủ tịch Hội Đồng Xã	6 năm
6	HOÀNG C. C. THÀNH	1-5-1932	7-11-1986	10-1960	Cán bộ Viên		Tại Tổng TH Bình An, B. Hòa	Cán bộ Viên	7 ngày
7	TRẦN KHÊ	1930	28-11-1986	10-08-1961	Bác 8	Số 436	Ty Dân Văn (B. Liêu)	Tướng Ban Hành Chánh	10 ngày
8	THẠCH THỊ SƠN	22-09-1945	20-02-1987	10-9-1965	Cán bộ Viên		Ty Tiền Hạc Vĩnh Bình	Nhân viên văn phòng	
9	DƯƠNG THỊ KINH	23-11-1940	08-07-1987	1-05-1968			Tiền đồn CSXDNT B. Xuyên	Nhân Viên	1 Tháng
10	THẠCH SEN	1-05-1951	21-08-1986	1-02-1972	Công chức 4		Xã Ngũ Lạc, Vĩnh Bình	Cán Huấn	3 Tháng
11	CHÂU SANG	21-02-1947	22-10-1986	12-68			Tỉnh Kiên Giang	Cố Phó CSXDNT	4 tháng 19 ngày
12	THẠCH SAKHON	27-02-1951	10-02-1987	1-05-1969	Thợ Kỹ		Khu 131 Thiệp phẩm, Quê Trang, Quận Thủ Đức, Tỉnh Bình XĐNT (B. Liêu)	Thợ kỹ kế toán	
13	HUYNH LINH	15-02-1951	22-05-1987	6-06-1969	Tram Viên			Đoàn Viên	2 Tháng
14	TRẦN THỊ VINH TƯỜNG	1948	01-03-1987	1968			Pan American World Airways Tân Sơn Nhất International Training Center, Tan, Inc.	Secretary Proof Reader, Translator	

5	HỒ VIỆT THUẬN	18.09.1954	12.08.1987	25.9.1974	Công Viên	Trưởng Văn Phòng (Trần)	Công Viên		
6	NGUYỄN CÔNG ĐỀ	07.07.1933	12.05.1957	1955	Thợ kỹ HC	Tôn HC Vĩnh Long	Trưởng Ban	5 Tháng	
7	THẠCH RẼN	03.09.1949	27.07.1987	12.11.1966	CB XDNT	Tỉnh Đoàn CB XDNT B. Liêu	Tiền Đ. Trường	3 Tháng ngay	
8	THẠCH RẠCH	10.11.1920	25.10.1987	1947	Thợ Sĩ L	Xã Trường Xã Ngũ Lạc	Xã Trường	4 năm	Điệt phai
9	CHÂU KIM SANG	24.05.1942	20.09.1988		Giáo Viên	Giáo Viên B2 Ba Xuyên	Giáo Viên B2	10 ngày	
10	SỐC THỊ HỒNG	07.06.1950	07.10.1986	1971	Thợ kỹ HC	ty đ. đ. tra. đ. phát triển	Thợ kỹ Hầm Chấu	20 ngày	
						B3 Việt gốc miền Vĩnh Bình			
21	TÔ CHUẨM	03.03.1930	10.08.1987		CB bậc 8	Trưởng Ban miền Văn Sơn Văn và châu (V.B)		9 năm 2 tháng	
22	SƠN SỬA	20.07.1924	29.10.1987	1952	phó xã trưởng	phó xã trưởng Hầm chấu xã Phú Vĩnh (Vĩnh Bình)		01 năm	
23	HUỲNH RỘNG		28.12.1986	01.01.1962	Công nhân	Xã Lai Hòa Chũm châu B. Liêu	Công nhân lư. lữ	15 ngày	
24	SƠN THỊ NUỒN	13.10.1950	08.05.1987		giáo viên	Xã Lai Hòa Chũm châu B. Liêu	giáo viên		

LIST OF FORMER VIETNAMESE OFFICIALS, ARMED FORCES AND POLICE FORCE SITE II

DANH SÁCH LÊN CẤP QUAN NHÂN CẢNH-SAT CÔNG CHỨC
VIỆT NAM CỘNG HÒA TRƯỚC 1975

ST TÊN	HỌ VÀ TÊN	CẤP BẬC	SỐ QUÂN	NGÀY NHẬP NGŨ	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CUỐI CÙNG	THỜI GIAN CHẾ TẠO	NGÀY NHẬP TRẠI	CHỨC VỤ
01	LIÊU TẤN THẠNH LIÊU THƯỢNG	Đ. S	53/192414			Tiểu đoàn 1/33 SĐ.21			Cha tử trận ngày 15.06.66 con có giấy TĐ
02	LÂM DUY XUY LÂM DUY LON		Số quân cũ: 132	15.08.1965	Giáo Sư	Trường Quốc gia Âm nhạc			Cha con
03	TRẦN ĐỨC LONG TRẦN GIA SỸ	T/Ư	52/700.070	12.06.1953	Sĩ quan chuyên viên	Trung tâm Hải quân Nha Trang	10 tháng		Cha An ở trại tù nam con có giấy TĐ
04	HÀ NINH THÚ HÀ VĂN XINH			01.04.1966	Thư ký	Nhà in Đ. S. T. M. A	01 tháng		Cha con có giấy TĐ
05	TRỊNH ĐỨC DUY TRỊNH ĐỨC DUY	Đại úy	63/601353	01.09.1965	SQ liên lạc không quân	BCH hải quân không quân	07 năm		Cha con có giấy TĐ
06	LƯƠNG VĂN HÙNG LƯƠNG VĂN QUY	Trung tá	137051	12.09.1966	Phó cuộc Cảnh sát	BCH quân sự an Phú yên	15 tháng		Cha con
07	HUỖNH VĂN KINH HUỖNH VĂN ĐỨC	Hạ sĩ	55/150720	16.02.1965	Tiểu đội phó	Đ.Đ. I Tiểu đoàn I Công vụ	03 ngày		Cha con
08	TRIỆU BẮNG								con
09	TRIỆU VŨ TRIỆU SANG	Đại úy			TĐT 94 Đ.Đ. Q.	Tiểu đoàn Trùng 94 Đ.Đ. Q.	05 năm ở trại		Cha "bình an ở trại" con
10	TRẦN THÁNH CÔNG TRẦN HOÀNG	Thượng sĩ	50/187930	1960		Tiểu đoàn pháo binh	13 ngày		Cha con
11	NGUYỄN VĂN PHÚ NGUYỄN THỊ LIÊNG			1968	Quản gia	ISO Công lý Saigon			Nhà phục vụ của giáo sư Bùi S. Hải Nam cũ của bình dân. Phái đoàn Đại học CHÍNH SAIGON con
12	TRẦN BAO NGỌC TRẦN VĂN HẢI	Binh I	74/125160		kinh binh	TĐ 3/48/18 bộ binh	03 ngày		Cha có giấy TĐ

5 KIẾN THỊ SUPHAT						con
KIẾN MỤC	trưởng đội trưởng	1969	Phụ tá AN MINH			cha từ trần 1979
5 THẠCH TỚI						con
THẠCH CHUÔNG	Hà Sĩ I	31/05/1966		Đội vị Quân Trại		cha
KIM XUAN THIEN						con
KIM XICH	nghĩa quân	429893	Trung đội phó		3 tháng	cha
TRẦN NOL						con
TRẦN KHÁNH	nghĩa quân	455916	Đội viên	Trung đội lưu động BDL xã Lai Hòa		cha có giấy 18
KIM MINH						con
KIM XIENG				Đội viên Long An		cha
SÓN AN						con
SÓN NINH	phụ tá Sĩ I	50/110915	Phụ tá huấn luyện viên TT H.L. ĐBQ ĐỤC MỸ			cha
THẠCH SAKHON						22-02-87 cha chết trong PT
THẠCH KHIEU	Đội vị	48/138297	Sĩ Quan Trích Báo	Thiết Đoàn 5 KV Bình	4 năm	con "có giấy TĐ"
DANH BÍCH SÓN						con
DANH SẾ	Thượng Sĩ	29/146261	16-06-1949	CHỈ ĐOÀN I Thiết Đoàn II KV Bình		cha phá bình 90%
CHÂU SANE						con "có giấy TĐ"
CHÂU SIẾP						cha chết
TRUÔNG QUỐC HIỆP						con
TRUÔNG NGỌC QUỲNH	Thượng Sĩ I	54/600243	07.10.1955	Kỹ thuật viên		cha
KIẾN THỊ SUASADUY						con
THẠCH SANG						cha
LIÊU RINH						con "có giấy TĐ"
LIÊU HIÊN	Cảnh sát					cha
KIM LÂN CAO						con "có giấy TĐ"
KIM THIÊN NHAN						con "có giấy TĐ"
KIM NGÂN	Đội trưởng					cha
THẠCH BIÊN						con "có giấy TĐ"
THẠCH XUNG						cha
THẠCH CHINH	nhân viên	152989	01.02.1962	Trung đội phó		con "có giấy TĐ"
						con "có giấy TĐ"
						cha

01	THẠCH XẾP						con
	THẠCH PRẮC	Đinh I		Tổ trưởng	Đại đội 134 / Đại phường Bình		cha từ thường
02	CHÂU HAI						con
	CHÂU SỐC		482989		CK / Thủ Cấn Vĩnh - Bình		cha
03	TRẦN THỊ PHƯỚC HỒNG						con là anh cha
04	TRẦN PHƯỚC VINH						con có anh cha
	TRẦN HỐC LUY	Hà H?			Đại đội CTCT BX	1 tháng	cha
05	TRẦN ĐỨC HÒA						con
	TRẦN CHEN	Thường H?	132023		Tiểu khu Baxuyen		cha
06	TRƯƠNG NGỌC TÀI						con "có giấy tờ"
	TRƯƠNG SANE	nghe quân	463658		Tiểu đội trưởng	VHL / 147	cha từ thường
07	TRẦN VĂN TUẤN						con "có giấy tờ"
	TRẦN VĂN TIỂU	Đại đội	51/300264		Quyển văn hoá vụ trưởng DHCTCT	6 năm	cha
08	TRẦN LONG HÙNG						con "có giấy tờ"
	TRẦN THÂN LONG	xâm viên			Ty Cảnh nông SADC		cha
09	TRẦN KHUÔN						con
	TRẦN ĐEN	Đinh I			Tiểu đoàn 3/31 ĐĐ 81 BB		cha từ năm 1967
10	THẠCH CẨM TƯỜNG						con
	THẠCH CÔNG				Cảnh sát viên	BCH/CSGR / GCT/VB	cha
11	THẠCH HUY HOÀNG						con
	THẠCH SIEN				Chủ tịch xã	Xã Hoà Thuận CHAU THANH VB	cha
12	SƠN NGỌC SAMH						con
	SƠN SÁO	Trung H?	44/257753	01-01-1966	Trung đội quân sự TV-ĐĐ lãnh chánh tiếp vận VB		cha
13	TRẦN SÔI						con
	TRẦN THỜI	nghe quân	431471		Đội viên	Xã Mỹ-Hoa Cầu Ngang (VB)	cha
14	KIM DUÔNG						con
	KIM MINH	nghe quân	498094	15-09-1967	Trưởng thôn	Huyện Vĩnh châu Đặc liêu	cha từ năm 07-02-78
15	DUÔNG MINH QUANG	cao ng					con
	DUÔNG MINH LUONG	thông tin	8937		Đội trưởng	chi khu THANH HÓA TRUNG nhất huyện thoát nột AN GIANG	cha

STT	Họ tên	Quê quán	Ngày sinh	Đơn vị	Thời gian	Ghi chú	
1	ĐIỆP-VĂN-THAI						
2	ĐIỆP-XÍCH						
3	NGUYỄN-TRƯỜNG-THỌ						
4	NGUYỄN-THAI-THẠCH						
5	NGUYỄN-VĂN-NHỎ	Trung Sĩ	64/111688	31-08-1964	Tiểu đội Trưởng đơn vị III Quân trị địa phương	Cha có giấy tờ con	
6	THẠCH-NAM						
7	THẠCH-THÂM	Nhũ quân		Phó Trưởng ấp	Cầu Ngang Vĩnh Bình 06 tháng	Cha con	
8	KIM-THÀNH						
9	KIM-PHƯƠNG		483251	Nhũ quân	Tiểu đội phó	BCH/CK/Trại cũ Vĩnh Bình	Cha con
10	KIM-THỊ-QUYÊN						
11	KIM-DINH	Hà Sĩ I	47/120570		4-Tá	Đại đội 575 KDC 4020	(LEAVE) con
12	THẠCH-THỊ						
13	THẠCH-QUI	Hà Sĩ I	39/207940	1967	Tiểu đội phó	Đại đội 3 Tiểu đoàn 523 KDC 352 01 tháng	Cha con
14	LÊ-NỢC-SÁU						
15	LÊ-VĂN-DÚ	Binh I	148154	1967	Tai xế		Cha con
16	LƯƠNG-VĂN-CÂN						
17	LƯƠNG-VĂN-ĐẬY	Trung Sĩ	37/112588			Tiểu đoàn 362 ĐRQTK phục long 1 năm	Cha con
18	TRẦN-QUỐC-THÔNG						
19	TRẦN-HỮU-THANH	Thượng Sĩ	52/200655	1953		Tiểu đoàn I Trung đoàn 5 SĐI	Cha con
20	THẠCH-KIM-LONG						
21	THẠCH-SON	Nhũ quân	372155		Trung đội trưởng	VBH. 189/xã Ngủ Lạc Quận Cầu Ngang Vĩnh Bình	Cha con
22	ĐINH-VIỆT-HIỆU						
23	ĐINH-VIỆT-MẠI	Thượng Sĩ I				BCH. CSGG/Gia đình	Cha binh chết 15.07.1973 con
24	THẠCH-HÒA			1961			con
25	THẠCH-DÂN			1965			con
26	THẠCH-VĂN	Nhũ quân	432119			VBH-189	Cha (có giấy tờ) 01 tháng
27	NGUYỄN-HỮU-DANH						con
28	NGUYỄN-HỮU-CÂU						con
29	NGUYỄN-VĂN-ÚT	Trung Sĩ	52109	16.06.84	Tai xế	BCH. CSGG Tỉnh Gia Định	Cha

76 THẠCH CHI LÊ
 77 THẠCH NGỌC TUẤN
 78 THẠCH THON
 THẠCH TINH Đại úy 52/14786
 79 KIM THỊ SARNOKT
 BÓN SABUON
 80 LY CUN GIENG
 LY GI MENG Trung úy 324261
 81 BUI QUỐC THANH
 BUI ĐỨC NINHIA Thiếu tá
 82 ĐỖ HIỆP ĐỨC
 ĐỖ VĂN THỜI Hạ sĩ 51/302700
 83 ĐỖ NGỌC HẢI
 ĐỖ MINH Trung sĩ 50/110915
 84 QUÁCH KIM XUONG
 QUÁCH THANH PHONG Hạ sĩ 38/251540
 85 NGUYỄN HỮU PHÚC 58/106986
 86 NGUYỄN HỮU THU Trung úy 53/108058
 TRẦN THỊ XUÂN Thượng sĩ 54/100301
 87 LA VĂN THANH
 LA MƯỜI BA Chính sát
 88 TRẦN ĐỨC HOÀ
 TRẦN CHEN Thượng sĩ 132032
 89 TRẦN QUỐC SANH
 THẠCH KUNTIN Trung sĩ
 90 THẠCH SAM
 THẠCH CHỊA
 91 CHAU VI
 CHAU PHẠCH Hạ sĩ
 92 TRẦN MINH HAT
 TRẦN THON Trung sĩ 62/500957

Tiểu đội trưởng

Trưởng lý Thái Lan

Quốc vụ trưởng Thái Lan

phụ tá UL viên

ban xã hội

phát ngôn viên

Tiểu đoàn 2 DƯ

ĐD3/473 ĐA - PHUONG - QUAN

TĐ3/7/605 BB KBC 4432

ĐI AN NINH TRƯỜNG CTCT ĐLH

ĐI AN NINH TRƯỜNG CTCT ĐLH KBC 4646

Đại đội 25 tham báo

TTHL - B9Q - Dục Mỹ

Văn phòng chi khu Mỹ-xuân 1 năm 6 tháng

Chi đoàn 3/2 Tham Thính

LĐANDD Phụ tá Tổng 5 ngày

Quân Mỹ xuân Bayuon

Tiểu đoàn 48 sư đoàn 18

KBC 4020

Cán bộ XDNT và ĐLH Việt Nam

Tiểu đoàn 1/32 bộ binh CEMAU

con
 " cha hiện diện có mặt tại

ry nan
 " vợ " chồng 06/6607,
 USA
 4th ST MARTELO LA 70012
 con

CHA
 con
 chỉ mang - An 25
 che đất lau năm 75
 con " có gậy gỗ

cha
 con

CHA
 con

CHA
 con

CHA từ trên 23.00.63
 m
 con

chết năm 1975
 con

15.06.86

15.06.86

12.07.86

31.07.86

15.09.86

15.09.86

CHA
 con

CHA từ trên ngày 20.02.6
 con

CHA
 con

CHA từ trên năm 1972
 con

93	ĐIỀU THỊ KIM LY						09.09.86	con
	ĐIỀU - SANH	Hà 8 ² I	185457	1965		Trưởng đoàn 447 GPQ. Bắc Liêu	7 ngày	cha
94	HÀ SAVAN						09.09.86	con
	HÀ - SAO	Công chức			Tái - xé	bệnh viện Phan Bội Châu	15 ngày	cha 'c' giải
95	LÂM THẢO						04.10.86	con
	LÂM SỞ THINH	Hà 8 ²	6010177B			Tổ hành chánh Pa xuên		cha. phi binh BQ. 4227
96	LIÊU KHA						09.10.86	con
	LIÊU SÊK	binh I	454285	20-12-1964		Quận long phú Cho Khu Long	02 tháng	cha
97	KIM - THI							con
	KIM - TÓN		31742			Trưởng đoàn 473 ĐPQ Vĩnh Định		cha
98	TRẦN VĂN BẦU						09.10.86	con
	TRẦN DANH ĐOAN	Hà 8 ²	521507166		khinh binh	Trưởng đoàn 2 TRON / SD 2 / BB		cha p. trên máy 10-06-77
99	TRẦN KHANH						21.11.86	con
100	TRẦN KHAI						21.11.86	con
	TRẦN KHOL		441603759			Trưởng đoàn 441 ĐPQ CQL 6713		cha chết ngày 04.05.72
101	HUYNH - PÂN						05.11.86	con
102	HUYNH SẮC	nghe quân	207248		Trung đội trưởng	Y tá Lai Hoà Vĩnh châu Bắc Liêu		cha chết ngày 11.05.68
	HUYNH THỊ THU THUY							con
	HUYNH VĂN EN	Thường 8 ² I			Trưởng ban hành chánh	Trưởng chi CSQG GIÁ RAI	1 năm 1 tháng	cha chết tại trại Ty nam
103	KIM - SẮC						17.11.86	con
	KIM NGOC CHAU	Y tá trưởng				Y tá trưởng NGÔI XUÂN		cha
104	SƠN - CHI PHỐC						28.12.86	con 'c' giải
105	SƠN KHANH NAM						25.02.87	con
	SƠN SOL	Trung 8 ²			HSQ an ninh	HSQ an ninh Phôn Chi Khu Phú Tân		cha chết 04.11.86
106	THẠCH THỊ SANON							con
	THẠCH SÊNG	binh I	551510410		Y tá	SU ĐOAN 21 / BB KBC 3171	09 ngày	cha
107	LÂM THỊ LÊN							con
	LÂM NGUỒN	binh II	46536		ủy viên dân vận châu bộ	Trưởng đoàn BQ an	01 tháng	cha
108	THẠCH KHÉT							con
	THẠCH KHUNH	binh II	711522425					cha chết ngày 17.06.77

109	THẠCH - WÔNG					chi khu Vĩnh Châu		con
	THẠCH - SƠ	nhà quân	455 898			Trưởng khu Bạo Lấn KDC 3522	ở ngay	cha / có giấy
110	TANG - LIÊN							con
	TANG - SƠ	Trung Sĩ			khẩu đội trưởng	Sĩ đoàn ở pháo binh tỉnh Vĩnh		cha / có giấy
111	LÂM - LIÊN					can bộ ủy viên dân vận		con
	LÂM - NGUỒN	binh II	46536			curien hốt tỉnh Bạc Liêu	ở ngay	cha
112	TRẦN - VĂN HÙNG				Trưởng ban			con
	TRẦN - NAM	Hạ Sĩ	36/210577		đầu hành các cơ	CRQG tỉnh Bạc Liêu	ở ngay	cha
113	KIÊN - SANANG							con
	KIÊN - CHUÔNG	Hạ Sĩ	52/509770			Đại đội 9 / YTTV / BDD KDC 4227		cha
114	DUÔNG - MINH QUANG							con
	DUÔNG - MINH LUONG		8937	10-08-1961	can bộ tâm lý chiến	TT. chi khu hốt Bạc Liêu		cha
115	HUYNH - VET							con
	HUYNH - ÔL	Hạ Sĩ	52/107654	01-12-1946		Tấn đoàn ở tỉnh Bạc Liêu		cha
116	TRẦN - HAI						25-02-87	con
	TRẦN - SƠ				Ch. xây dựng này phân	Tấn đoàn tỉnh Bạc Liêu	ở ngay	cha
117	NGÔ - QUANG THỊNH						26-04-87	con
	NGÔ - QUANG TRUNG	Thượng Sĩ	50/108612			Đội 21 bộ binh vùng 4 Cần Thơ	ở năm	cha
118	HUỖ - TÂM						26-02-87	con
	HUỖ - SƠ	Trung Sĩ	66/503352			KDC 4852		cha
119	VŨ - MINH ANH						22-02-87	con
120	VŨ - ANH - CHÍNH						24-02-87	con
121	VŨ - ANH - TÍN						22-02-87	con
	VŨ - ANH - TUẤN				Trưởng chi y tế	Trưởng chi y tế quân Hốt Tấn	ở năm	cha
122	KIM - THUẬN						13-07-87	con
	KIM - THÂN	binh II	57/504225			ĐCH ban quản trị SA9/BĐ		cha / có giấy
123	THẠCH - SƠ BATH							con
	THẠCH - HUYNH	Thượng Sĩ	35/124328			Công binh SA9		cha / có năm 1969
124	LÝ - DỒN						02-03-87	con
	LÝ - ĐUỒN	nhà quân	44624		Tấn đội trưởng	TĐT chi khu lịch Hốt Tấn		cha / có giấy

125	LÂM QUINH LÂM CHÊN	ngũ quân	451962			AD XUYẾN	con
126	THẠCH SÂM NANG					ngũ quân cũ liệt hội trưởng 10 năm	cha
	THẠCH SỔ PHÁT	ngũ quân				trưởng đoàn	con
127	THẠCH MINH				TR. BT	ngũ quân cũ khu phố cũ Thủ Đức 09 năm	cha
	THẠCH SAI	trung úy	52/124303			Quản ban chung công binh TK	con
128	THẠCH SONG						cha
	THẠCH SANG	thượng sĩ	24/074598		HSQ tiếp liệu	HSQ tiếp liệu ĐBVNCH/Vũ Bị	con
129	LÂM THỊ THU HẠ						cha
	LÂM THÁI QUAN	thiếu úy	068964	11-09-1964	80 công sát	Trưởng cuộc kế sách BAVN 5 năm 1 tháng	con
130	SƠN CANG						cha
	SƠN CAO	4a sĩ I		10-07-1964	Đan II tiểu đoàn	ĐĐ 4 TB 88/ĐPQ chi khu trước	con
131	THẠCH THỊ CHAM THIA				phục vụ trưởng		cha
	THẠCH NHƯ	ngũ quân	482997		ngũ quân	ĐCH/CH/Tài chính	con
132	NGUYỄN VĂN DỊNH						cha
	NGUYỄN VĂN BA	4a sĩ I	50/305964	01-04-1954		Tiểu đoàn 5 nhai cũ	con
133	LÊ TIẾN DUNG						cha
	LÊ VĂN TẮC	thượng sĩ	63/405787		HSQ tiếp liệu	Tổng cục tiếp vận ĐBVNCH 1 tháng	con
134	NGUYỄN DIỆP TU						cha
	NGUYỄN DIỆP TÙNG	Đại úy	60/106842		Trưởng ban 3 hàng quân	Sĩ ĐOÀN 21/ĐB 2 năm 1 tháng	con
135	KIÊN SANG						cha
	KIÊN LÂM	ngũ quân	428707	01-03-1964	Tiểu đội phó	Xã Hòa Thuận châu Thành Vĩnh	con
136	THẠCH THANH						cha
	THẠCH XUÔI	trung sĩ	54/123033	01-02-1954		Trưởng đoàn 32/ĐĐ 31/ĐB	con
137	TRẦN HUU PHUOC						cha
	TRẦN NGỌC ANH	Sĩ II	65/404898		kinh binh	ĐĐ 8 TB 2 TB 41 ĐĐ 22/ĐB 02 năm	con
138	TRẦN THANH HOANG						cha
	TRẦN THANH KIÊN	MIC FOR					con
139	KIM LONG BÍ						cha
	KIM LONG HUONG				phó chủ tịch xã	Xã Nhị Truân Cầu Ngang Vĩnh 05 năm	con

140	THẠCH NGỌC TRAI				x2 trường xã Hùng Bội			con
	THẠCH CONH	Thiếu úy	61/503696	Đại đội phó	Quân Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu	07 năm		cha
141	THẠCH HOÀNG XUÂN						15-04-87	con
142	THẠCH NHƯ HUYNH						15-04-87	con
	THẠCH CHOL	Trung sĩ?		Điều tra viên	TỔ AN tỉnh Bạc Liêu	04 tháng		cha
143	THẠCH THANH SƠN						02-04-87	con
144	THẠCH BẢNG SÂM						02-04-87	con
	THẠCH RÂM	Đại úy	97221		ARMY FORCE Hoa Kỳ	05 năm		cha ở Mỹ
145	THẠCH PHIN						04-04-87	con
	THẠCH PHANH	tiểu đội trưởng			Trấn B. 32 Hoa Kỳ			cha chết
146	THẠCH SÁRONG						07-04-87	con
	THẠCH HIÊN	Hạ sĩ?	125312		tiểu đoàn 6 nhẩy dù			cha tạm thời ở?
147	THẠCH GIẤU SONE						27-04-87	con
	THẠCH PHUONE	nghĩa quân	431665		Xã nhự trường CK Cần Thơ	01 năm		cha
148	KIM HEN						16-04-87	con
	KIM PHOL	nghĩa quân	431162	Trung đội trưởng				cha xuất ngũ hiện ở?
149	LÂM TRUNG THU						25-05-87	con
	LÂM THUẬN	Thượng sĩ?		04-04-1950	Đam an minh CSQR			cha
150	TRẦN CÔNG BÌNH				trường PT		08-05-87	con
	TRẦN CÔNG VINH	Trung úy	61/147114	Trưởng PT chia hội	chiến hào phía Ba Xuyên			cha mất tích tại trại CT
151	VŨ HOÀNG VŨ						04-06-87	con
	VŨ NGỌC TỐI	Thượng sĩ?	301865	HSQ tiếp liệu	tiểu đoàn 180 pháo binh	06 ngày		cha
152	SƠN QU							con
	SƠN LUY BÙ				Mai phát lương Hải			cha
153	DÂN SƯU LONG						02-08-87	con
	DÂN BƯU				Có quan phát triển quốc tế			cha
154	NGUYỄN QUỐC ANH						02-08-87	con
	NGUYỄN QUỐC ĐÀO	Đại tá	20/321	Quản Trám Trừng	trình trình tỉnh Lâm Đồng	Cơ quan CT		cha
155	ĐO HÙNG HẢI						02-08-87	con
	ĐO VĂN BÉ	Thượng sĩ?	41/200389	Trưởng xã nhiệm	phòng CS địa biệt không hòa	08 năm		cha

156	PHẠM NGỌC SƠN PHẠM THÁNH NGỌC		54/105856		Dân biểu Hội nghị-Viện	con đang CT	02.08.87	con
157	NGÔ MINH PHÚ						21.08.87	con
158	NGÔ MINH HỮU NGÔ VĂN KẾT	Trung úy	62/118503		Phó TT Truyền tin KTĐĐ	03 năm	21.08.87	con
159	PHẠM KIM Ô						20.08.87	con
160	PHẠM KIM CHINH PHẠM KIM BẢO	phần sát viên		20.08.1928 thêm sát viên CSQG	Ty CSQG Tỉnh Gia Định	(chết)	20.08.87	con
161	LÊ QUANG ĐÌNH LÊ QUANG HIỆU				Tại xã	Bộ Canh nông nhân sinh và xã hội	07.07.87	con
162	NGUYỄN NGỌC SA NGUYỄN HƯNG	Hà B ¹ I	59/902950		Chuyên viên hồ sơ nhân viên TRĐ 45	30.23/88	06.07.87	con
163	TRẦN TRUNG BÌNH TRẦN VĂN XINH	Thượng B ²	53/384500	1952	Thiếu vụ QLV Ban chỉ huy	Thiếu vụ Ban chỉ huy	06.07.87	con
164	NGUYỄN NGUYỄN NGUYỄN DẤY	Hà B ² I	51/250284	20.08.1953			07.07.87	con
165	TRẦN THỊ SETH TRẦN KIÊN	Hà B ²	29/231425		Trung đội Công an Tiểu khu Bakuin		07.07.87	con
166	NGÔ KHÔI NGÔ CẨM	Thiếu tá	53/204604		nhị viên Hội đồng tỉnh	Phong Dinh HQT Phong Dinh	07.07.87	con
167	THẠCH QUÂN THẠCH HINH	Hà B ²	59/106254			Tiểu đoàn 3 Lữ đoàn chủ	14.07.87	con
168	HUU DỆT HUU MAI	Đinh I	52/107290		Thống cách	Trung đoàn địa phương B30	11.09.87	con
169	LÂM VĂN HẠ LÂM VĂN THÁI				Thống dịch	Trung đoàn 47 SĐ3	11.09.87	con
170	TRẦN THÊN TRẦN SAKH				Trưởng ấp	Ấp An toàn xã ở đơn vị quân	25.10.87	con
171	PHAN NGỌC MÂN PHAN VĂN HAI	Trung B ²	51/109845	24.08.1953		Liên đoàn kiểm báo ngành điện		con

172	NGUYỄN ANH TUẤN	số nhân	Trung Sĩ I	064266	Trưởng ban Tâm lý chính CS xã phư	Chi CSQG Lai Thầu binh Duyệt 06 năm 3 tháng	25.10.87	con
173	THẠCH MINH VŨ						05.10.87	con
	THẠCH DŨN		Hạ Sĩ?	593373		Trưởng đơn 408 Ba Xuyên 16 tháng	17.11.86	con con có giấy to
174	TRẦN THỊ ĐOÀN							con
	TRẦN KHIÊN			190975		Được huấn luyện các khóa CS và quân sự tại bị tại gia		con
175	DUÔNG DUYỀN							con
	DUÔNG SAND	nguyên quân		193363	Trưởng đội trưởng		24.09.87	con con có giấy to năm 25.10
176	HOÀNG TRÍ HƯNG							con
	HOÀNG NHỊ CHÂU					Cố quan USAID Saigon	21.12.86	con
177								con
178							21.12.86	con
			Trung Sĩ I	số nhân 52109	Cảnh sát đặc biệt	Quân Bình Chánh 02 năm	12.09.86	con con có giấy to
179	THẠCH HEN							con
	THẠCH HUÔNG		Trung Sĩ I	số nhân 176360		Chi CSQG quận Cầu Lộ 03 tháng	16.09.86	con con có giấy to năm 27.08.82
180	THẠCH NGỌC DÂN							con
	THẠCH LÔI			431755	Trung đội phó	Xã nhự trưởng (Vĩnh Bình)	10.08.87	con
181	THẠCH SÁRƯNG							con
	THẠCH SÁRƯ	nguyên quân				Xã nhự trưởng Cầu Ngang (Vĩnh Bình) 03 tháng	29.08.87	con
182	SƠN SANG							con
	SƠN CHƠN	nguyên quân		431620		BCH/CK Cầu Ngang Vĩnh Bình	25.07.87	con con có giấy to
183	THẠCH THỊ NGỌC RŨNG							con
	THẠCH SUM		Trung Sĩ I		nhân viên	BCH/CSQG tỉnh Vĩnh Bình 1 tháng 05	27.05.87	con
184	THẠCH KHUÔNG							con
	THẠCH THUẬN	nguyên quân		477601		Xã nhự trưởng Vĩnh Bình	25.10.87	con
185	CHUNG SĨ KINH							con
	CHUNG BÌNH HUY		Trung Sĩ					con
186	THẠCH THỊ BIỆTH TH						29.10.87	con
187	THẠCH THỊ BIỆTH H						29.10.87	con
188	THẠCH THỊ BIỆTH H						29.10.87	con
	THẠCH KLANT			483953		Xã nhự trưởng Vĩnh Bình 15 ngày		con con có giấy to

206	THẠCH SÁMBACH THẠCH HAI	NG/B4	427 529	Trung đội trưởng	NG		20-05-87	cha
207	TÔ THONE TÔ CỐT					Tại Sở' USA Saigon (Quảng)	03-08-87	cha
208	LÂM TÂN THO LÂM NOI	Hà S ²	25/046618			Vũ (tạm) Số' USA Saigon (Quảng) KAC 4685	01 năm	cha
209	LÂM THỊ SEN LÂM PHICH		63/500 100			CK/năm Căn Tỉnh CA MAU	03 tháng	cha
210	CHÂU THỊ HOA CHÂU RIENG	trong sĩ I				Phị tam phị' giải ngũ 29-09-67	03 tháng	cha
211	THẠCH XEL THẠCH XUÔNG	Thượng sĩ	27/251931			ĐD/3/TDI/SD 9/BB	20-05-87	cha
212	THAI HỒNG PHONG THAI SƠN	Hà S ²				ĐD/35/cán tá TK/P. DINH	07-08-86	cha
213	TRẦN VĂN ĐOÀN TRẦN VĂN NGỌC	Thiếu úy	60/804148	Phân chi khu phó	Quân Cảnh Việt Bắc		25-02-1987	cha
214	THẠCH BẾ HAI THẠCH VỚI		431331	Trưởng đồn nghĩa quân	ĐD 415 thuộc TK B. Xuân		08-03-1987	cha (đ' mỹ)
215	THẠCH OUK LA THẠCH KHANE	Binh 2	31/544285		Trần Khu Vĩnh Phúc	12 tháng	16-04-1987	cha
216	TRIỆU PHƯỚC KHUÂN TRIỆU CỐP	Binh I	63/107667	Kinh binh	Trần Đoàn 5 ĐD Dũ		27-10-1986	cha
217	ĐÀO NHƯ TÀI ĐÀO SAVONG	Trung tá	464/103 524	Tham mưu phó	CC là long Phúc	07 năm 9 tháng	03/12-1987	cha
218	PHẠM MINH MÂN PHẠM HUU NHÁ	Hà S ²	64/139315	Tại xē	Trần Đoàn 54 Cũ Phái Kiến tạo	04 ngày	06-12-1987	cha
219	NGUYỄN ANH TRUNG NGUYỄN VĂN TỬ	Tr. H ² Z	064 266	Trưởng ban phân lý chính	Chi CS là thiếu Phái Duyệt	6 năm 1 tháng	03-12-1987	cha
220	NGUYỄN THỊ DUY YẾN NGUYỄN VĂN CỎ	Thiếu sĩ		BTLiên Cao Thắng	Trại Cao Thắng Cần Thơ			cha

221	DƯƠNG - DE					03.12.1987	con
222	DƯƠNG - DU						cha
223	THẠCH - THỊ - SARY			Ty Công Chánh	ty Công Chánh tỉnh Bà Rịa	02.03.1987	con
	THẠCH - NHƯT	Hà Sĩ	29/10/1963		ĐD/4/248/BPO/TK VB	con của P. P.	cha
223	NGUYỄN - ĐỨC - HIỆU					06.12.1987	con
	NGUYỄN - MINH - SAN		57/1000587		Thiết An 5/Kj Bình		cha
224	KIM - NGOC - VANG					07.12.1987	con
	KIM - NHUONG	Công nhân					cha
225	LÝ - MINH			Tu xé	ty CSQC Vĩnh Bình	01.05.1987	con
	LÝ - HÙNG	Sĩ Quan BLNCH			KBC 4764 và KBC 4911		cha và con
226	LÝ - THỊ - TUYẾT					25.03.1987	cha và con
	LÝ - VĂN - UT	Đại úy		Đại Đội Trưởng	Chi khu Vĩnh Châu TK/Dông Giang	05 năm	cha
227	THẠCH - THỊ - KIM CHANH					25.10.1987	con
	THẠCH - NAM		431.172		TB/Đội Trưởng N/Q xã Mỹ Cẩm Quận Càng Long VB		cha và con
228	CHUNG - CHAU TIEN - DAT					16.01.1987	con
	CHUNG - TEN - SINH	Trung Sĩ			Phòng tài chính TK/Bà Rịa	15 ngày	cha và con
229	CHUNG - CHAU TIEN - DAT					16.01.1987	cha và con
	CHUNG - TEN - SINH	Trung Sĩ			Phòng tài chính TK/Bà Rịa	15 ngày	cha và con
230	TRẦN - ANH - DUNG					25.02.1987	cha và con
	TRẦN - CHIẾN - THANG	Đội viên	32/N.00430		Chi khu Thuận Hóa TK/Bà Rịa		cha
231	THẠCH - LONG - SƠN					12.09.1987	con
	THẠCH - SONG	Trung Sĩ	30/039024		TP/523/TK/Vĩnh Bình		cha
232	NGUYỄN - QUANG - PHONG					25.10.1987	con
	NGUYỄN - VĂN - LƯƠNG	BI/NQ	189757		Tiền khu Già Định		cha
233	NGUYỄN - NGOC - NHUAN					25.10.1987	con
	NGUYỄN - VĂN - MƯU	Đội viên	NQ 301108	Ấn Thư Viên	GĐH 5 CK/Gõ Vấp TK/GĐ	03 ngày	cha
234	PHUONG - HIEN - ANH						con
	PHUONG - HUU - TOT	Hà Sĩ	51/120731		ĐD/A/32/BĐQ.KBC 3447		cha và con
235	NGUYỄN - DINH - QUYEN						cha và con
	NGUYỄN - DINH - PHUC	Trung Sĩ	57/600109				cha và con
236	NGUYỄN - VĂN - HOA						cha và con
	NGUYỄN - VĂN - KẾ	BI	57/501400		YÊN TRỢ HẠNG QUÂN PH. TRƯỞNG Đ. L. S. N. H. T. S. G. G. N.		cha và con
					TRD/7/CĐ 5		cha và con

237	NGUYỄN NAM CƯỜNG					06.11.1984			
238	NGUYỄN VĂN NGHĨ	Trung h ² I		Trung tâm Hồ Sơ Cán Nhân BTQT/BTTM/GLVNCH		06.12.1984	cha	con	
	DANH SANG								
	DANH SÂM	Hà h ²		Thượng phi Bình loại 3 ĐĐ/350/BĐQ/BP	02 năm	06.12.1984	cha	con	
239	NGUYỄN ĐUY TÂN								
	NGUYỄN VĂN ĐÀ	NQ	NQ:303064	Tiểu đội trưởng	GDH.19/CK/GSƯ VP TK/GĐ	03 ngày	06.12.1984	cha	con
240	PHẠM THỊ XUÂN LIÊU				*BN/Phan Thanh Gián Cần Thơ	14.12.1984			
	PHẠM QUANG VĂN	Trung h ² I			TJHL/LAM SƠN. KBC 4523 *		cha		
241	NGUYỄN TĂNG DIỆN					06.12.1984		con	
242	NGUYỄN ĐỨC QUỐC					06.11.1984		con	
	NGUYỄN VĂN ĐÁP	Trung h ² I	54/189762		DDI. KBC 3479 H/624/1065/KTTT/DD		cha		
243	LÊ ĐẠI PHÚC					06.11.1984		con	
244	LÊ VĂN CHUÔNG					20.11.1984		con	
	LÊ VĂN THUẬN				Ty 2504 Tỉnh Long Khánh Tron Cai tạo		cha		
245	DANH ĐỨC					06.12.1984		con	
	DANH ĐI	Hà h ² I	44/285749		Tổ 2 - pho		cha		
246	VU THANH KHÂM				Tiểu đoàn 447/ĐPQ/TK/bạc liêu	06.12.1984		con	
	VU XUÂN LUÂN	Công chức			Trưởng ban kỹ thuật ty Phòng Tron, Chiếu hoi anh lam dong	06.12.1984	cha	con	
247	KIM CHUNG HÒA								
	KIM DU				Tổng phụ vụ xã		cha	phụ trách	
248	KIM THỊ LIÊN				Tổng phụ vụ xã nhà trường Vĩnh Bình	10.12.1984		con	
	KIM MINH	TR/ĐQT/NQ	498094		TR/ĐQT/NQ				
249	KIM SANG				WR. 941323 và Lai Hoi Bạc Liêu	14.12.1984	cha	phụ trách	
	KIM KHUON	TR/ĐQT					cha	phụ trách	
250	THẠCH KÝ					30.12.1984		con	
	THẠCH CHAM	Hà h ²	51/475213		Tiểu đoàn 404/ĐPQ/TK/Vĩnh Bình KBC 3051		cha	chết	
251	THẠCH DANH								
	THẠCH CHAM	Hà h ²	51/475213		Tiểu đoàn 404/ĐPQ/TK/Vĩnh Bình KBC 3051		cha	chết	
252	HUYỀN NHẬT MINH							con	
	HUYỀN THUẬN CẨM	D. 2	68/126629		Đoàn 52 - K. 34/TK KBC: 8204		cha	đ. USA	

253	KIM. ROTH KIM. ANN	CHUYÊN VỤ	54/101858		Thị xã Khánh Hưng Bà Xuyên	25.02.84	con	Cha Tuấn năm 1975	
254	SƠN VĂN PHƯỚC SƠN PHANE	TR. Đ. TRƯỞNG	430.423		Trung. đội Trưởng NQ Hội viên HXX và Phútelling Trại	20.05.84	con		
255	THẠCH PHINH					19.09.84	con		
256	THẠCH TH. SIEN THẠCH KIM	TR. Đ. TRƯỞNG	426.581		TR. Đ. TRƯỞNG NQ XA	19.09.84	con	Cha Tuấn 10.11.1968	
257	KIEN. Nhung KIEN. PHUOC	NHAN VIEN			NHAN VIEN TRAI MOC LO USA	24.09.84	con		
258	LY. BI LY. KHEN	Đ. VIEN	452.146		Đ. VIEN NGHIA QUAN NQ CHI KHU LICH HOI THUPING	30 ngày	CHA	con	
259	KIM. SANG KIM. NIEN				Đ. VIEN NQ	NQ XA NHU TRUONG OK/CAU NGANG	15 ngày	CHA	con
260	CHAU. SATH CHAU. NGHET					NQ XA THANH THOI AN	45 ngày	CHA	con
261	NGO. NINH NGO. NONG	CB. Thang Tin			CB. Thang tin ap	Ap Thanh nguyen xe Thanh my CHAT LAM VINH BUI	07.08.84	CHA	con
262	TRAN. TRUNG. DUNG TRAN. THI	HQ 81	37/839289		CHUYÊN VIEN - DIEN	Cuc Quan Trai Xu	01 tháng	CHA	con
263	DANH. MON DANH. JO	CHUYÊN VỤ	52/101441			Ap Luoi xa Luoc. Quan Ly Ton Anging	02.01.80	CHA	con
264	TON. THAT NAM TRAN TON. THAT HIEN	TR. VỤ	56/205545		Huấn luyện viên	THL Đ. Đ. Đ. KBC. 4162	04 năm	CHA	con
265	NGUYEN. HUY. QUAN						25.01.80	CHA	con
266	NGUYEN. DAO. LAM NGUYEN. VAN. XUAN.	Đ. VIEN	62/113.421		Đ. Đ. TRƯỞNG	TRAI KHU. TUYEN DIU	05 năm 8 tháng	CHA	con
267	TRAN. THI. TRINH	TR. 81 I			Cảnh sát			con	
268	TRAN. TRUC. LINH	TR. 81 I			TR. 81 I	Trưởng cuộc xã Hợp Mỹ Quận Cầu Ngang Vĩnh Bình		CHA	con
269	TRAN. MINH. THAO TRAN. SOI	TR. 81 I			TR. 81 I	Ap Thap xa thien huc Cầu Ngang Vĩnh Bình		CHA	con
270	THACH. SETHAY. SOKHA THACH. SANG	TR. 81 I			TR. 81 I	TRAI Đ. Đ. 516 Địa phương Quân	22.07.86	CHA	con
271	TRAN. NGOC. CHONG TRAN. VAN. MINH	TR. 81 I	837.274		TR. 81 I		25.02.84	CHA	con
272	THACH. THI. LI	TR. 81 I			TR. 81 I		14.01.84	CHA	con
273	THACH. THOI	TR. 81 I			TR. 81 I			CHA	con
274	THACH. PHUEN THACH. DUONG. TRUONG. HAI THACH. DUONG. SINE	HQ 81 I B2			Quân Cảnh	Côn Thỏ	01 tháng	CHA	con

275	KIM SĨ TRĂNG								
276	THẠCH DUY AN THẠCH ENG	Ha h' I	42/517.631	02-1969	Chuyên viên Tiếp liệu Liên Đoàn 740 YTV Baxuyen				
277	LÊ QUANG THUÂN LÊ QUANG TRUNG	Thiếu Tá	45/200.898		Trưởng khoi Huân luyện Trường Tiếp vận CC Long Binh 5 năm 3 tháng		20-11-1984	con	
278	NGUYỄN BÌNH THUY NGUYỄN BÌNH KIM	Thượng Sĩ	49/202.272	10-03-1949	Đoàn An Viên Sư Nhả Trang. NHQ QUÂN PHÁP	3 ngày	27-09-81		
279	THẠCH KHUÔNG THẠCH CÔNG				Phong vệ dân sự Ấp Tân Trung quống		01-03-84	con	
280	THÁI MINH CHÂU THÁI CHUM	TR. Sĩ T		1935	Tr. Đ. Trưởng Địa phương quân		26-04-86	cha chết con	
281	THẠCH TÔNG THẠCH KIÊN	TR. Sĩ			Ấp LABAM CHU		07-05-84	cha chết con	
282	CHÂU CANG							con	
283	CHÂU CHAM NAB CHÂU KIÊN	Giáo viên		06-07-53	Giáo viên Trường Tiểu học Cây dấy Ta An	21 ngày	14-02-88	cha	
284	NGUYỄN BÌNH NGUYỄN						14-02-88	con	
285	NGUYỄN TRUNG CHÍNH NGUYỄN BÌNH HOE	TR. Sĩ			Trưởng ban CS kinh tế Tỉnh Tuyên Đức	1 tháng	14-02-88	con	
286	KIM CHUNG HOA Kim Đức				Tổng Thư ký xã Nhị trường Caidangang Tỉnh NB.		06-11-84	con	
287	Võ Quốc Nam Võ Văn Tâm	Ha h' I	120.484	05-07-1984	Tiểu Đoàn 3 FB/SBQ BB		14-07-86	cha	
288	Nguyễn Thị Ngọc Trâm Nguyễn Văn Sang						24-07-86	cha chết con	
289	Bùi Quốc Thành Bùi Đức Nghĩa	TR. Sĩ T			Trưởng Đại học CTCT Đà Lạt			cha chết con	
290	Sơn Thị Bang Sơn Hưng	Ha h' I	31/063.359				13-10-86	cha con	
291	Kim Sao Kim Ichien	TR. Sĩ T		12-10-63	Trung đội Trưởng Biệt kích quân ĐĐ 321/BP/TS		05-02-88	cha con	
292	Kim Rita Kim Anne	Chuyên viên	54/101.858		Hội xã Chánh hưng Baxuyen			cha con	
293	Phải Thị Samol Thạch Xing	Đ. B			H. 21 AB			cha	

293	Thạch Khiết								
294	Thạch Khinh	Hà Sĩ	7/1522425		ĐD II Yểm Trại công vụ Khe 4047			Chà (Củ giấy 75)	
295	Thạch Thị Kim Lay					15-10-86		Cm	
296	Thạch Khen	ngũ quân	431168		NQ Chi Khu Cầu Ngang TK Vĩnh Bình			Chà	- nt -
297	Kim Văn Anh					02-08-87		Cm	
298	Kim Sao	TR Sĩ	21/053411		Tân Đới Trại xã Mỹ Hòa CK/Cầu Ngang TK V-Bình			Chà	- nt -
299	Thạch Thanh					07-07-87		Cm	
300	Thạch Như	TR Sĩ	-		Brết kích Brết kích quân			Chà	- nt -
301	Trần Kim Keo					25-02-87		Cm	
302	Trần Kim Seng		30/456000		Brết tại tại ấp "Phung chop B"			Chà	- nt -
303	Trần Đình Huệ					11-09-87		Cm	
304	Trần Cơn	CSV	014062	1969	Thạch Phố Huế			Chà	- nt -
305	Thạch Thị Xuyên					24-04-87		Cm	
306	Thạch Xuân	TR Sĩ	52/110920		TR Đoàn 31/ĐB Trại Trách HC		01 năm	Chà	- nt -
307	Tết Phêri					24-04-87		Cm	
308	Thạch Tết				Hội đồng Tỉnh Tỉnh Châu Đức			Chà	- nt -
309	Kim Sao					13-10-86		Cm	
310	Kim Khiêm	TR Sĩ TR		12-10-63	Brết kích Đại đội 321/BP/TĐ cc Bình Phụng Trung Súp			Chà (Củ giấy 75)	
311	Đào Ngọc Duy					06-12-87		Cm	
312	Đào Ngọc Lâm	TR Sĩ I	04/160784		BCH III Trại vận cc Long Bình			Chà	- nt -
313	Đường Quốc Việt					09-07-86		Cm	
314	Đường Văn Xuyên	TR Sĩ I	56/600582		BTL Khẩu quân Tân Sơn Nhất			Chà	- nt -
315	Phạm Minh Quý					09-07-86		Cm	
316	Phạm Đức Phong	Đại úy	40/151080		Tiểu Khu Hậu Nghĩa		9 năm	Chà	- nt -
317	Châu Sưa					22-08-86		Cm	
318	Châu Sắt	TR Sĩ	36/546888		HQ Trung Tâm Chi Khu Trại Tôn TK. Châu Đức		5 năm 5 tháng 2 ngày	Chà	- nt -
319	Thạch Phên					27-03-87		Cm	
320	Thạch Quân	Hà Sĩ	42/463255		T Đoàn 473/ĐPQ			Chà	- nt -
321	Thạch Hải					06-02-88		Cm	
322	Thạch Năm	TR Sĩ TR	43/1172		TR Sĩ TR. Nghĩa quân xã Nhị Trưỡng CK Cầu Ngang			Chà	- nt -
323	Lý Vĩnh Hưng					30-11-86		Cm	
324	Lý Ngôi	B2	31/152591		Năm Cơn Tỉnh An Xuyên			Chà	- nt -
325	Lý Hùng Dũng					25-02-87		Cm	
326	Lý Huôi	Hà Sĩ	231489	10-10-65	Phong Đai Trại Mìn vụ Bexuyn		04 năm	Chà	- nt -

391	Nguyễn-Tùng-Phước				16.03-88	Cm	
392	Nguyễn-Trúc-Phước				16.03.88	Cm	Ci giấy Tơ
	Nguyễn-Trúc-Thư	Đại úy	59/102208		03 năm	cha	
393	Trần-Thị-Lan-Hương				15-03-88	Cm	
	Trần-Điệt	B II			03 ngày	cha	
394	Vũ-Mạnh-Dung				16.03.88	Cm	
	Vũ-Văn-Liên			1461	Thủ Ký Hành Chánh Trường Đại học y Khoa Saigon	07 ngày	cha
395	Trần-Thị-Thành-Thủy				16.03.88	Cm	
	Trần-Văn-Thành	TR. Tá			Trường Khố CT CT Đà Lạt	05 năm	cha
396	Phạm-Thế-Tung				16.03.88	Cm	
	Phạm-Thế-Hưng	Đại-uý			Tên Đoàn Trưởng Chánh Sự vụ Sĩ Kiểm Tra	05 tháng	cha
397	Lê-Thành-Tung				16.03.88	Cm	
	Lê-Văn-Hồ	TR. Sĩ	64/600270	01-07-1963	Lên Đoàn phó Thủ Đoàn U. Cảnh Sát Trại	16.03.88	cha
398	Thái-Bá-Hùng				SĐ 013 không quân cải tạo mặt tích	16.03.88	Cm
	Thái-Bá-Thành	TR. úy				16.03.88	Cm
399	Lê-Thị-Lê-Chi				Tham mưu phó hành quân SĐ không quân 13 năm	23.01.88	cha
	Lê-Mậu-Hoạt	TR. Tá	51 ^A /600053		Tên Đoàn 113 tỉnh Camau	3 tháng	cha
400	Thạch-Minh-Tuấn				16.03.88	Cm	
	Thạch-Khim-Anh	TR. Sĩ			16.03.88	Cm	
401	Vũ-Thị-Nguyệt-Nga				Chuyên viên Thiết Trại cấp A03 / Thiết Trại cấp	03 ngày	cha
402	Vũ-Nguyệt-Hương				16.03.88	Cm	
	Vũ-Văn-Như	Hạ Sĩ Đ			Cảnh Sát viên Trại làm Hong Thị và Đà Lạt	02 năm	cha
403	Nguyễn-Thị-Mộng-Điệp				16.03-88	Cm	
	Nguyễn-Văn-Chánh				Cảnh Sát viên		cha
404	Nguyễn-Thị-Ái-Sa						
	Nguyễn-Ái	C. Sát viên					

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Quê quán	Đơn vị	Thời gian	Chức vụ	Trình độ	Chức vụ
362	Thạch Thị Hương				11.03.88	Chức vụ		
	Thạch Chơn							
363	Thạch Thanh				11.03.88	Chức vụ		
	Thạch Trình	ĐI	42/505473					
364	Lý Thị Nguyệt				05-06-87	Chức vụ		
	Lý Thị							
365	Nguyễn Trọng Quân				27-09-86	Chức vụ		
	Nguyễn Mạnh Long	TR-TA	49/300372	1950				
366	Sơn Huỳnh							
	Sơn Văn	Đội viên	471152					
367	Hồ Quốc Sắc				07-09-86	Chức vụ		
	Hồ Cửu	Thiếu úy		1942				
368	Phạm Thị Huệ				27-09-86	Chức vụ		
	Phạm Văn Hội	Hạ Sĩ I	54/162542	13-04-1965				
369	Quách Anh Khoa				14-02-88	Chức vụ		
	Quách Văn Đại	TR. úy	65/120181					
370	Trần Minh Đức				06-12-87	Chức vụ		
	Trần Thanh Mai	C. Sát Ván						
371	Vũ Trần Dũng				24-05-87	Chức vụ		
	Vũ Thiên Tuệ	Hạ Sĩ I	56/303751					
372	Lê Bá Khanh				16-11-87	Chức vụ		
	Lê Bá Trọng	TR. cuộc CS	60/133254	14-11-1962				
373	Hoàng Thị Thu Hà				16-11-87	Chức vụ		
	Hoàng Văn Bắc	Hạ Sĩ						
374	Đỗ Khắc Khánh				06-12-87	Chức vụ		
	Đỗ Khắc Khánh	ĐI	35/841453					
375	Nguyễn Xuân Trang				16-03-88	Chức vụ		
	Nguyễn Tấn Dâu	TR. Sĩ	26/006328					

376	Trần - Ngọc Hoàng					16-03-88	con
377	Trần - Th. Thảo - Trang					16-03-88	con
	Trần - Quang - Chiếu	TR-Si ²	40/126563	-	Biệt Động quân Tiểu đoàn 22/BĐQ	03 ngày	cha
378	Huỳnh Th. Thủy Hương					16-03-88	con
379	Huỳnh Th. Quốc Lan					16-03-88	con
	Huỳnh - Đình Tâm	Đại úy	44/194319				cha
380	Nguyễn - Minh Tâm					16-03-88	con
	Nguyễn - Văn - Riêu						cha
381	Nguyễn - Thị Hồng					16-03-88	con
	Nguyễn - Văn - Ru	TR-Si ²					cha
382	Nguyễn Đình Quang					16-03-88	con
	Nguyễn - Đình - Vinh	Đại tá	52/109142		Bộ Tư lệnh Đặc nhiệm Quân đoàn IV	con cái Tào	cha
383	Vũ - Đức - Khôi					16-03-88	con
	Vũ - Trọng - Khải	Đại úy			TR ban Cảnh Sát TR-Ty Cảnh Sát Đà Lạt	9 năm 6 tháng	cha
384	Phùng Thị Anh Tuyết					17-03-88	con
	Phùng - Văn - Tuổi				Tổng Nha Điện Sài Gòn	6 năm	cha
385	Nguyễn - Nam - Sơn					16-03-88	con
	Nguyễn - Văn - Nguyễn	Thượng Sĩ			Phát ngân viên Cơ sở 90 liên lạc của chùa dũ	3 ngày	cha
386	Hà - Văn - Hải					17-03-88	con có giấy tờ
	Hà - Văn - Thuận	Hạ Sĩ I	61/214670	Tai xế	Đại đội 127 Cầu nối TK Thừa Thiên KOC 3466	6 tháng	cha
387	Đỗ - Minh - Sơn					17-03-88	con
	Đỗ - Diên	ĐI			Thượng Binh 90%		cha
388	NV - Công - Khôi					16-03-88	con
	Vũ - Ngọc - Ngươn	Chiếu úy	54/400674		Quân cụ, quân Trang quân dụng		cha
389	Võ - Ngọc - Mẫn					16-03-88	con
	Võ - Văn - Bình	Đại úy			Tiểu đoàn Trưởng Tiểu đoàn 113 pháo binh dã chiến	01 năm	cha
390	Nguyễn - Nhật Nam					16-03-88	con
	Nguyễn - Văn - Sáu	TR úy	61/128953			05 năm	cha

Tô Tấn Tào					02.08.86	con	
Tô Chiết	428583	-	TR. ĐỘI TR	TRUNG ĐỘI TRƯỞNG NGHĨA QUÂN V. BÌNH	01.07.86	cha (có giấy tờ con)	
Tông Văn Sĩ						cha (có giấy tờ con)	
Tông Lâm Ranh		16.08.66		Cán bộ dân y-vụ	02.04.86	cha	
Kim Sĩ Sophone						cha - - -	
Kim Suông						cha - - -	
Thạch Ngọc					07.05.87	cha - - -	
Thạch Khôn	HA S' I	29/224327		Địa phương quân VINH BÌNH	13.10.86	cha - - -	
Trần Khanh						cha - - -	
Trần Khôi	Đ II	43/60375		Tôn xuyên Tỉnh An Xuyên		cha - - -	
Thạch Minh						cha - - -	
Thạch Mát	TR. ĐỘI TR	456962		chi khu Vĩnh Lợi		cha chết - - -	
Bùi Thanh Sơn						cha - - -	
Bùi Quang Minh				Công chức Tiểu học Tỉnh Sadee		cha (có giấy tờ con)	
Nguyễn Quang Minh					06.12.87	cha - - -	
Nguyễn Văn Khương	TR. S' I	152157		ĐB TL CSQG (F42)	03 năm	cha - - -	
Kim Rô					26.06.86	cha - - -	
Kim Keng	Đội viên	429027		Nghĩa quân xã Tập Lân		cha - - -	
Thạch Sa Rong					07.04.87	cha - - -	
Thạch Hiền	HA S' I	125312		Tiểu đoàn 8 Nhảy dù		cha - - -	
Phạm Đức Chiến							
Phạm Văn Quyền							
Phạm Văn Căn	TỔ TRƯỞNG	226630	TỔ TRƯỞNG	ĐCH Tiểu học Lâm Đồng	02 Tuần	14.02.88	cha - - -
Trần Thị Lệ Thanh Hà						11.09.87	cha - - -
Trần Công Đắc						11.09.87	cha - - -
Trần Văn Mười	HA S' I	57/103663	10-10-57	Tiểu ĐỘI I Địa Hình		08.05.87	cha - - -
Phạm Thanh Văn							cha - - -
Phạm Văn Phước	TR. S' I	64/601791		CV không quân Phi Trường Tân Sơn Nhất		11.03.88	cha - - -
Trần Văn Hiền							cha - - -
Trần Chuông	HA S' I	55A/100838		Tỉnh Báo Trung đội 14 Tỉnh Báo		11.03.88	cha (chưa có giấy tờ con)
Sơn Vĩnh							cha - - -
Sơn Danh	HA	501241		chính binh Tiểu đoàn 4/73 Sư đoàn 21	chết 67		cha (có giấy tờ con)

Thạch Thị Hân						25-10-86	con
Thạch. Siêng	ĐI	41/142632	07.02.65	không nhớ		06-06-87	Cha có giấy TĐ
Thạch Minh Dũng				Tiểu đoàn Trưởng ĐPQ		11-03-88	con
Thạch Ngọc Sao						09-10-86	Cha có giấy TĐ
Vân Thuồng	TR-SI ²	45/103240	08.06.53	TTM / TQT / NSV / TĐoàn 31	chết 73	11-03-88	con
Vân Sinh	TR-SI ²	41/148718		TT huấn luyện Quang Trung		11-03-88	con
Thạch Dương	TR-SI ²			4/1187			con
Thạch ES	TR-SI ²			không nhớ			con
Sơn Thị Anh	TR-SI ²						con
Cần Thol	TR-SI ²						con
Cao Thị Hồng Hà	TR-SI ²						con
Sao Lương	TR-SI ²						con
Cao Nhật	TR-SI ²						con
Cao Sơn	TR-SI ²						con
Kim Hòe							con
Kim Kham							con
Nguyễn Kỳ Thu Vân							con
Nguyễn Kỳ Vọng	Thiếu tá	59/101896	23-11-1959				con
Nhan Song							con
Nhan Phan				Đơn vị 4 quân trú Căn cứ KBC 465	1 tuần		con
Kim Thuận							con
Kim Tuấn	ĐI	455936	01.06.67	N. quân xã Lai Hòa			con
Trần Thao Bình				ủy viên an ninh	7 năm 1 tháng		con
Trần Saky							con
Thạch Văn Hoàn				ngành quân			con
Thạch Huân	Đội viên						con
Kim Bi							con
Kim Inh	TR-SI ²	224407		Địa phương quân TK/Vĩnh Bình	Tuần 1975		con
Thạch Sô	Đội viên	423712		ngành quân BCH/CK / châu thành TK / Vĩnh Bình			con
Thạch Kim Đô							con
Thạch Trường				không nhớ			con
Trần Đình Du				Tiểu đoàn 4 / TR-Đoàn 33 / SA 21BB	08 tháng		con
Trần Cấn	CSV	014062	1969	Thành phố Huế	5 tháng 20 ngày		con
Trần Minh Hà							con
Trần Minh Sơn	Đội viên NQ	46/100403		Đội viên NQ xã Tân Tiến / CK Thanh Trì / TK Bà Xuyên	không biết		con

Camp Lamngob, Thailand
March 18, 1988

Dear Mr. Tran Van Huong,

I would like to introduce myself as Bui Thi Phi Phung and currently staying at camp Lamngob in Thailand. I am writing to ask for your assistance as I relate my sad story below.

Prior to April 1975, I worked for several U.S. agencies in Vietnam for 6 yrs. while my husband was a lieutenant in the army as well as a college professor in Dalat. For those reasons, my husband, Pham Van Huong, was sent to concentration camp in 1975 and later was released in 1978. Both he and our son then escaped from VN in 1980. But I lost contact with them when they reached the border of Cambodia and Thailand and since then have no news of them for 8 years. I myself then attempted to escape several times with my only daughter yet failed each time and were imprisoned. Finally, running out of money, I had to escape alone to find my husband and son and also because it was too dangerous for my young daughter-fear of pirates. I was very sad and reluctant to leave her back there all alone but I had no choice.

Upon reaching Thailand safely, I immediately sent letters and proper documents to Mrs. Khuc Minh Tho, President of the Families of Vietnamese Political Prisoners, in order for her to help me petitioning the ODP to let me reunite with my daughter and possibly with husband and son if they are still alive. I sincerely ask you on your part to help me in any way you can to reunite with my family and to soon settle in the U.S.- the land of freedom. I deeply appreciate your help and I look forward to hear from you soon. Best wishes to you and the Association.

Sincerely yours,

Bui Thi Phi Phung



Hiệp Hội Cứu Trợ Ty Nạn Đông Dương
The Indochinese Refugee Rescue Association
10569 Bolsa Ave., Garden Grove, CA. 92643
Tel.: (714) 554-2050

LIST OF FORMER ARMED FORCES OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

Page 1

FULL NAME	:	SN	:	RANK	:	LAST UNIT
NGUYEN VAN NHUC	:	58/100109	:	Captain	:	High Ranger Command (1 st Group).
NGU THUONG CHIEU	:	46/628253	:	Private 1 st Class	:	Gia Dinh Province.
THACH NGOC DUNG	:	39/143715	:	Sergeant	:	Vinh Binh Province.
NGUYEN VAN THANH	:	76/502011	:	Sergeant	:	44 th Ranger BN.
LAM QUANG PHAI	:	59/100561	:	Sergeant	:	Engineer High Command Office.
TRAN PHI HUNG	:	76/129140	:	1 st Corporal	:	Local Infantry Troop.
MAI KIM XUA	:	72/145719	:	Corporal	:	3 rd Artillery Parachute BN.
DUONG XIEM	:	72/528277	:	Private 1 st Class	:	9 th Infantry Division.
BUI THI SANG	:	68 ⁹ /100107	:	Corporal	:	40 th Engineer Combat Group.
DUONG DO	:	68/000637	:	Corporal	:	11 th Parachute BN. APO 3727
NGUYEN CHI DUNG	:	74/653742	:	1 st Sergeant	:	7 th Ranger Group.
TRA CHEN	:	73/525588	:	Private	:	4 th Ranger Group.
PHAM HIEU LIEM	:	78/179364	:	New Soldier	:	Song Than Marine Training Base.
NGUYEN VAN THANH	:	73/601356	:	Private	:	81 st Special Force Group.
PHAM PHI HUNG	:	66/500907	:	Private 1 st Class	:	42 nd Ranger BN.
LY HINH	:	56/845423	:	Private 1 st Class	:	Ba Xuyen Province.
KIM THUM	:	73/817809	:	Private 1 st Class	:	Kien Giang Province.
LAM MINH CANH	:	56/103154	:	Private	:	364 th Ranger Company.
NGUYEN VAN LONNE	:	56/894148	:	Corporal	:	Local Infantry Troop.
THACH XIET	:	116699	:	1 st Sergeant	:	222 nd Field Combat Police Group.
THACH TAM	:	93022	:	1 st Sergeant	:	Mike Force Unit.
CHAU MAN	:	None	:	Private	:	Mike Force Unit.
THACH TINH	:	None	:	Private	:	Ba Xuyen Province.
KIM RY	:	66/301961	:	1 st Sergeant	:	9 th Infantry Division.
LY TUAN	:	None	:	Private	:	Ba Xuyen Province.
LAM KHEN	:	55/M02749	:	Private	:	Ba Xuyen Province.

LIST OF FORMER ARMED FORCES OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

Page 2

FULL NAME	SN	RANK	LAST UNIT
TRUONG CHAN THY	50/895751	Private	Bac Lieu Province.
THACH CUOL	None	Private	Bac Lieu Province Record Unit.
KIM SAC TOAN	45/MO1818	Team Chief	VBH. 128 th Vinh Binh Province.
PHAM DAC THAM	None	Unknown	Lon Nol Force.
LAM SOLDALIN	None	Employed	Development Khmer General Dept.
NGUYEN NINH	77/8642	Private	Hoang Cam Training Center.
KIEN NGOC HOANG	None	Village Chief	Vinh Binh Province.
THACH QUYEN	49/118853	LT. Colonel	7 th Infantry Division.
TRAN KIM THACH	48 ^A /104196	LT. Colonel	Binh Duong Province.
NGUYEN VAN BE	73/148137	2 nd Lieutenant	22 nd Infantry Division.
NGUYEN TRI PHUONG	63/702731	Lieutenant	Navy Command Headquarter.
LAM KIM HEN	38/242106	2 nd Lieutenant	522 nd Local Infantry.
NGUYEN VAN DOAN	59/183035	2 nd Lieutenant	12 th Ranger Group/37 th Battalion.
HUYNH BUU VAN	38/187011	Lieutenant	Binh Tuy Province.
SON SO MAY	70 ^A /127190	2 nd Lieutenant	480 th Local Infantry Battalion.
TRAN GIA SY	52/700070	2 nd Lieutenant	Nha Trang Navy Training Center.
LE NGOC OOI	71/139763	2 nd Lieutenant	Phong Dinh Province.
TRAN VAN SEN	73/148104	Warrant Officer	497 th Local Inf. Chau Doc Province.
LAM MAI AKA	None	Recon. Interpreter	1 st Air CAV. Counsul Gen. Division
NGUYEN DANG SON	68/140550	1 st Sergeant	3 rd Parachute Battalion.
TRAN HUU HA	69/703646	Petty Officer	Navy Logistical Nha Trang Base.
QUACH DINH TOAN	70/125772	1 st Sergeant	321 st Local Inf. Binh Duong Province.
VO VAN HOA	62/115005	Staff Sergeant	National Police Command Headquarter
KIEN XONE	69/500632	Staff Sergeant	Civilian Proselytizing/Open Arms.
KIEN PHAT	71/119764	Corporal	Marines Division/Financial Co.
LAM CON	50/102754	Interpreter	C.A.C Cambodia 836 Long Hai.
LY HOANG	504000	Chief of local Pla	Ba Xuyen Province.
HUA CHAN CHUNG	69/500500	Sergeant Major	Air Force Command Headquarter.
SON SAMITE	73/506360	Sergeant	14 th Regiment/9 th Inf. Division.
KIM TEO	106369	Corporal	3/131 th Local Battalion.
PHAM VAN THIEN	65/171922	Lance Corporal	Engineering Bat/Marines Division.
PHAM VAN THANH	74/133032	Private	Quang Trung Training Center.
DANH QUAN	46/313408	Corporal	4/470 th Local Battalion.